

TRUNG TÂM TÀI NGUYÊN DI TRUYỀN THỰC VẬT



GIỚI THIỆU NGUỒN GEN LÚA ĐỊA PHƯƠNG TẠI CÁC ĐIỂM BẢO TỒN IN-SITU



HÀ NỘI - 2003

Trung tâm Tài nguyên di truyền thực vật thuộc Viện Khoa học kỹ thuật nông nghiệp Việt Nam là đơn vị được giao chức năng chủ trì nhiệm vụ bảo tồn tài nguyên di truyền thực vật phục vụ cho mục tiêu lương thực và nông nghiệp, gọi tắt là Bảo tồn quỹ gen cây trồng, nhiệm vụ gồm có ba phần:

- Quản lý Ngân hàng gen cây trồng Quốc gia bao gồm điều tra, thu thập, nhập nội quỹ gen, duy trì ngân hàng gen, tư liệu hoá, thông tin, cấp phát quỹ gen.
- Điều phối hoạt động màng lưới tài nguyên di truyền thực vật phục vụ cho mục tiêu lương thực và nông nghiệp thống nhất trong cả nước.
- Triển khai các hoạt động nghiên cứu khoa học nhằm xây dựng giải pháp tổng thể bảo tồn và khai thác, sử dụng đa dạng sinh vật nông nghiệp, trong đó chủ yếu là tài nguyên di truyền thực vật.

Ban biên tập: Lưu Ngọc Trinh, Nguyễn Thị Ngọc Huệ, Nguyễn Tiến Hưng, Nguyễn Phùng Hà, Phạm Hùng Cường, Đặng Văn Niên, Vũ Hồng Quang, Hoàng Gia Trinh.

Địa chỉ: Trung tâm Tài nguyên di truyền thực vật, Viện Khoa học kỹ thuật nông nghiệp Việt Nam, An Khánh, Hoài Đức, Hà Tây.
Điện thoại: 034-845320/845802
Fax: 034650625
Email: pgrc@hn.vnn.vn

Mục lục

Mục lục	1
Lời tựa.....	3
Tên giống: Khấu khỉnh (Nếp gừng).....	4
Tên giống: Khấu cảm pị (Nếp cảm)	5
Tên giống: Khấu Lào (Nếp Lào).....	6
Tên giống: Khấu trộm hòm (Tẻ thơm).....	7
Tên giống: Khấu cao su (Nếp cao su).....	8
Tên giống: Khấu kê đề niệu.....	9
Tên giống: Khấu mặc buộp (Nếp mướp)	10
Tên giống: Khấu hạng mụ (Nếp đuôi lợn).....	11
Tên giống: Khấu ca lan khảo (Lúa ca lan trắng)	12
Tên giống: Khấu ca lan đanh (Lúa ca lan đỏ).....	13
Tên giống: Khấu tăng sản niệu (Lúa tăng sản nếp)	14
Tên giống: Khấu trộm nành (Lúa tẻ đỏ)	15
Tên giống: Khấu trộm lượng (Lúa vỏ vàng)	16
Tên giống: Khấu trộm pom.....	17
Tên giống: Khấu hạng đòn	18
Tên giống: Khấu công tuông(Lúa hạt to)	19
Tên giống: Khấu trộm khăm (Lúa hạt vàng)	20
Tên giống: Khấu thượng hải	21
Tên giống: Khấu Mòn trộm (Lúa hạt tròn)	22
Tên giống: Khấu mòn niệu (Lúa mòn nếp)	23
Tên giống: Khấu tói.....	24
Tên giống: Khấu khẻo khoai	25
Tên giống: Khấu trộm khảo (Lúa vỏ trắng)	26
Tên giống: Khấu nắm niệu	27
Tên giống: Khấu Noon	28
Tên giống: Khấu trộm sai (Tẻ cát).....	29
Tên giống: Khấu đặm cả (Nếp quạ).....	30
Tên giống: Khấu quàng	31
Tên giống: Khấu công ton	32

Tên giống: Kháu lượng xá	33
Tên giống: Kháu kê đề trạm	34
Tên giống: Kháu cai hốc (Kháu đọ)	35
Tên giống: Kháu mạng mau (Lúa đại trà)	36
Tên giống: Nếp hạt cau.....	37
Tên giống: ải Hòa thành	38
Tên giống: Nếp Điện Biên	39
Tên giống: Nếp gà gáy.....	40
Tên giống: Nếp Hà Nội.....	41
Tên giống: Bao thai.....	42
Tên giống: Nếp thâu dầu.....	43
Tên giống: Tám xoan.....	44
Tên giống: Tám tiêu.....	45
Tên giống: Tám xuân dài.....	46
Tên giống: Tám nghệ.....	47
Tên giống: Nếp cái hoa vàng	48
Tên giống: Nếp Thái Bình	49
CHARACTERIZATION AND EVALUATION DATA SHEET FOR RICE	50

Lời tựa

Dự án toàn cầu về "*Tăng cường cơ sở khoa học bảo tồn nội vi (in-situ) đa dạng sinh học nông nghiệp*" do Viện Tài nguyên di truyền thực vật Quốc tế (IPGRI) điều phối. Thông qua các chương trình quốc gia, IPGRI bắt đầu thực hiện Dự án ở 9 nước (Burkina Faso, Ethiopia, Nepal, Vietnam, Peru, Mexico, Morocco, Turkey và Hungary) về tăng cường cơ sở khoa học bảo quản nội vi cây trồng.

Bảo tồn nội vi là duy trì các quần thể loài trong môi trường tự nhiên của chúng. Đối với cây nông nghiệp, bảo tồn nội vi là việc duy trì những ưu thế và đặc tính vốn có của cây nông nghiệp tại đồng ruộng. Nguồn tài nguyên di truyền cây trồng bản địa (landraces) được nông dân lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác và được họ chọn lọc theo nhiều cách khác nhau. Quyết định của nông dân về chọn và duy trì một giống nào đó luôn chịu sự tác động của các yếu tố môi trường, sinh học và xã hội. Cộng đồng nông dân và người sử dụng là bộ phận chính trong quá trình bảo tồn hiệu quả tài nguyên cây trồng. Bảo tồn nội vi cần có sự tham gia rộng rãi của các nhóm điều hành, nông dân, các tổ chức phi chính phủ (NGOs), các nhà môi trường, di truyền và các cơ quan địa phương.

Việt Nam là một trong hai nước Châu Á tham gia Dự án từ năm 1998. Nguồn gen Lúa địa phương ở nước ta là một trong những cây trồng được Dự án ưu tiên triển khai nghiên cứu về cơ sở khoa học và phương pháp bảo tồn in-situ tại nông hộ. Dự án đã lựa chọn ba điểm để triển khai là: huyện Đà Bắc, tỉnh Hòa Bình; huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình và huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định. Qua công tác điều tra xây dựng cơ sở dữ liệu và phân tích, đến nay đã xác định được 46 giống Lúa địa phương đang được nông dân tại 3 điểm nghiên cứu duy trì, bảo tồn trên đồng ruộng của họ. Nguồn gen này đồng thời cũng đang được bảo tồn ex-situ và đánh giá tại Ngân hàng gen cây trồng Quốc gia với đầy đủ các chỉ tiêu mô tả, đánh giá của nông dân và các nhà nghiên cứu. Cùng với tác động tích cực của Dự án, những giống Lúa địa phương này đã được khẳng định là có vai trò nhất định trong đời sống kinh tế, văn hóa xã hội của cộng đồng người dân. Trong bản giới thiệu này trình bày các đặc điểm hình thái và đặc tính nông học của 46 giống Lúa địa phương. Những thông tin cơ bản về đặc điểm hình thái nông học và mục đích sử dụng của các giống ở đây cho phép hiểu rõ được cấu trúc và các đặc điểm ưu việt của tập đoàn các giống Lúa địa phương bảo tồn trên đồng ruộng của 3 vùng sinh thái miền bắc Việt Nam.

Chúng tôi hy vọng tập danh sách này sẽ có ích đối với các nhà chọn tạo giống, các nhà bảo tồn nguồn gen và các nhà nghiên cứu khác trong việc lựa chọn có hiệu quả đối tượng nghiên cứu cho mình.

TM. Ban Quản lý Dự án
Phó viện trưởng Viện KHKTNNVN

PHẠM VĂN CHƯỜNG

Tên giống: Kháu khỉnh (Nếp gừng)

Tên khoa học: *Oryza sativa* L.

SĐK: DB 001

Địa điểm : Đà Bắc, Hòa Bình

- Lúa nương
- Giống địa phương
- TGST: 156 ngày
- Thời vụ: Gieo tháng 5, sau mưa đầu Hạ
- Tiềm năng năng suất trung bình
- Chất lượng: Rất thơm, dẻo, ngon
- Ít sâu bệnh

I. ĐẶC ĐIỂM HÌNH THÁI, NÔNG HỌC

1- Các đặc điểm về thân, lá:

Chiều cao cây: 135,4 cm

Chiều dài lá: 57 cm, chiều rộng lá: 1,73 cm,

Góc lá đứng, góc lá đồng ngang

Phiến lá màu xanh đậm, lá nhẵn, bẹ lá màu xanh,

Cổ lá màu xanh nhạt, tai lá màu xanh nhạt

Khả năng đẻ nhánh mạnh, cây cứng trung bình.

2- Các đặc điểm về bông và hạt

Chiều dài bông: 30,80 cm,

Số hạt/bông: 150,5 hạt

Dạng bông: Trung bình

Phân gié cấp hai nhiều, trổ thoát rất tốt

Độ rụng hạt: Thấp, Độ dai hạt: Khó

Hạt lúa không có râu, vỏ trấu khía vàng, vỏ hạt nhẵn

Mỏ hạt màu đỏ, mày đỏ, vỏ lụa màu trắng

Chiều dài hạt thóc: 8,3 mm

Tỷ lệ D/R hạt thóc: 2,06

Khối lượng 100 hạt thóc: 3,50 g

II. KHẢ NĂNG THÍCH ỨNG

Thích hợp với chân đất trung bình,

Trồng được trên các sườn đồi dốc

- Được trồng từ lâu
- Được nhiều hộ trồng với diện tích lớn.
- Được sử dụng làm các loại bánh, làm sinh lễ trong các tập tục của người Tày



Tên giống: Kháu cẩm pị (Nếp cẩm)

Tên khoa học: *Oryza sativa* L.

SĐK: DB 002

Địa điểm : Đà Bắc, Hòa Bình

- Lúa nương

- Giống địa phương

- TGST: 158 ngày

- Thời vụ: Gieo tháng 5, sau mùa mưa Hạ

- Tiềm năng năng suất: Trung bình

- Chất lượng: Để làm thuốc, làm rượu

- Chịu hạn tốt, ít sâu bệnh

I ĐẶC ĐIỂM HÌNH THÁI, NÔNG HỌC

1- Các đặc điểm về thân, lá:

Chiều cao cây: 150,4 cm

Chiều dài lá: 68,4 cm, chiều rộng lá: 1,72 cm,

Góc lá: Đứng, góc lá đòng: Trung bình

Phiến lá màu xanh, có lông trên phiến lá, bẹ lá có sọc tím,

Cổ lá màu tím, tai lá màu tím,

Khả năng đẻ nhánh trung bình, cây yếu.

2- Các đặc điểm về bông và hạt

Chiều dài bông: 32,80 cm,

Số hạt/bông: 191,8 hạt

Dạng bông: Trung bình,

Phân gié cấp hai trung bình, trở thoát rất tốt

Độ rụng hạt: Thấp, Độ dai hạt: Khó

Hạt lúa không có râu, vỏ trấu khía đen, lông trên vỏ trấu rậm

Mỏ hạt màu tím, mày tím, vỏ lụa màu tím

Chiều dài hạt thóc: 8,52 mm,

Tỷ lệ D/R hạt thóc: 2,55

Khối lượng 100 hạt thóc: 2,76g

II- KHẢ NĂNG THÍCH ỨNG

Thích hợp với chân đất giàu dinh dưỡng, nhiều mùn



- Được trồng từ lâu

- Được nhiều hộ trồng với diện tích nhỏ.

- Được sử dụng làm rượu, làm thuốc chữa một số bệnh như đường ruột... rất tốt cho các bà mẹ mới sinh con

Tên giống: Kháu Lào (Nếp Lào)
Tên khoa học: *Oryza sativa* L.
SĐK: DB 003
Địa điểm : Đà Bắc, Hòa Bình

I ĐẶC ĐIỂM HÌNH THÁI, NÔNG HỌC

1- Các đặc điểm về thân, lá:

Chiều cao cây: 136,1 cm

Chiều dài lá: 48 cm, chiều rộng lá: 1,09 cm,

Góc lá: Đứng, góc lá đòng: Trung bình

Phiến lá màu xanh, lá nhẵn, bẹ lá màu xanh,

Cổ lá màu xanh nhạt, tai lá màu xanh nhạt,

Khả năng đẻ nhánh mạnh, cây cứng trung bình.

2- Các đặc điểm về bông và hạt

Chiều dài bông: 31,5 cm,

Số hạt/bông: 155 hạt

Dạng bông: Trung bình,

Phân gié cấp hai ít, trở thoát tốt

Độ rụng hạt: Trung bình, Độ dai hạt: Dễ

Hạt lúa không có râu, vỏ trấu khía vàng,

Vỏ trấu có lông ngắn, mủ hạt màu đỏ,

Màu vàng, vỏ lụa màu đỏ

Chiều dài hạt thóc: 10,16 mm

Tỷ lệ D/R hạt thóc: 3,88

Khối lượng 100 hạt thóc: 2,44 g

II- KHẢ NĂNG THÍCH ỨNG

Thích hợp với chân đất trung bình

- Lúa nương
- Giống địa phương
- TGST: 135 ngày
- Thời vụ: Gieo tháng 5, sau mưa đầu Hạ
- Tiềm năng năng suất: Trung bình
- Chất lượng: Dẻo, ngon
- Ít sâu bệnh



- Được trồng từ lâu
- Được nhiều hộ trồng với diện tích lớn.
- Được sử dụng làm lương thực hàng ngày

Tên giống: Kháu trặm hòm (Tẻ thơm)
Tên khoa học: *Oryza sativa* L.
SĐK: DB 004
Địa điểm : Đà Bắc, Hòa Bình

- Lúa nương
- TGST: 132 ngày
- Thời vụ: Gieo tháng 5, sau mưa đầu Hạ
- Tiềm năng năng suất: Trung bình
- Chất lượng: Rất thơm, Ngon
- Ít sâu bệnh

I ĐẶC ĐIỂM HÌNH THÁI, NÔNG HỌC

1- Các đặc điểm về thân, lá:

Chiều cao cây: 142 cm

Chiều dài lá: 52 cm, chiều rộng lá: 1,33 cm,

Góc lá: Đứng, góc lá đòng: Trung bình

Phiến lá màu xanh, lá nhẵn, bẹ lá màu xanh,

Cổ lá màu xanh nhạt, tai lá màu xanh nhạt,

Khả năng đẻ nhánh trung bình, cây cứng trung bình.

2- Các đặc điểm về bông và hạt

Chiều dài bông: 30,8 cm,

Số hạt/bông: 135,8 hạt

Dạng bông: Trung bình,

Phân gié cấp hai trung bình, trở thoát tốt

Độ rụng hạt: Thấp, Độ dai hạt: Khó

Hạt lúa không có râu, vỏ trấu màu vàng rơm, vỏ nhẵn

Mỏ hạt màu tím, mảy vàng, vỏ lụa màu trắng

Chiều dài hạt thóc: 8,96 mm

Tỷ lệ D/R hạt thóc: 2,95

Khối lượng 100 hạt thóc: 3,02 g

II- KHẢ NĂNG THÍCH ỨNG

Thích hợp với chân đất giàu dinh dưỡng, nhiều mùn



- Được trồng từ lâu
- Được nhiều hộ trồng với diện tích nhỏ.
- Được sử dụng làm lương thực, đặc biệt là vào các ngày lễ, tết truyền thống

Tên giống: Kháu cao su (Nếp cao su)
Tên khoa học: *Oryza sativa* L.
SĐK: DB 005
Địa điểm : Đà Bắc, Hòa Bình

- *Lúa nương*
- *TGST: 140 ngày*
- *Thời vụ: Gieo tháng 5, sau mưa đầu Hạ*
- *Tiềm năng năng suất: Cao*
- *Chất lượng: Không ngon*
- *Ít sâu bệnh*

I ĐẶC ĐIỂM HÌNH THÁI, NÔNG HỌC

1- Các đặc điểm về thân, lá:

Chiều cao cây: 149,7 cm

Chiều dài lá: 48,9 cm, chiều rộng lá: 1,57 cm,

Góc lá: Đứng, góc lá đòng: Đứng

Phiến lá có sọc tím, lá nhẵn, bẹ lá có sọc tím,

Cổ lá màu tím, tai lá màu tím,

Khả năng đẻ nhánh mạnh, cây cứng trung bình.

2- Các đặc điểm về bông và hạt

Chiều dài bông: 33,5 cm,

Số hạt/bông: 166,3 hạt

Dạng bông: Trung bình,

Phân gié cấp hai nhiều, trổ thoát rất tốt

Độ rụng hạt: Thấp, Độ dai hạt: Khó

Hạt lúa có râu ngắn từng phần, màu tím, vỏ trấu có đốm tím

Vỏ nhẵn, đỉnh hạt màu tím, mày tím, vỏ lụa màu trắng

Chiều dài hạt thóc: 9,09 mm

Tỷ lệ D/R hạt thóc: 2,46

Khối lượng 100 hạt thóc: 3,47 g

II- KHẢ NĂNG THÍCH ỨNG

Thích hợp với chân đất trung bình và đất xấu

- *Được trồng từ lâu*
- *Được nhiều hộ trồng với diện tích lớn.*
- *Được sử dụng làm lương thực hàng ngày*
- *Ăn không ngon như ăn cao su nên gọi tên là Nếp cao su*



Tên giống: Kháu kè đè niệu
Tên khoa học: *Oryza sativa* L.
SĐK: DB 006
Địa điểm : Đà Bắc, Hòa Bình

- *Lúa nương*
- *TGST: 142 ngày*
- *Thời vụ: Gieo tháng 5, sau mưa đầu Hạ*
- *Tiềm năng năng suất: Trung bình*
- *Chất lượng: Dẻo, ngon*
- *Ít sâu bệnh*

I ĐẶC ĐIỂM HÌNH THÁI, NÔNG HỌC

1- Các đặc điểm về thân, lá:

Chiều cao cây: 142,5 cm

Chiều dài lá: 50,5 cm, chiều rộng lá: 1,68 cm,

Góc lá: Đứng, góc lá đòng: Ngang

Phiến lá màu xanh, phiến lá có lông ít, bẹ lá màu xanh,

Cổ lá màu xanh nhạt, tai lá màu xanh nhạt,

Khả năng đẻ nhánh mạnh, cây cứng trung bình.

2- Các đặc điểm về bông và hạt

Chiều dài bông: 30,3 cm,

Số hạt/bông: 146,3 hạt

Dạng bông: Trung bình,

Phân gié cấp hai nhiều, trổ thoát rất tốt

Độ rụng hạt: Thấp, Độ dai hạt: Khó

Hạt lúa không có râu, vỏ trấu có sọc tím,

Vỏ trấu có lông ngắn, mủ hạt màu tím,

Màu vàng, vỏ lụa màu ánh nâu

Chiều dài hạt thóc: 10,53 mm

Tỷ lệ D/R hạt thóc: 3,28

Khối lượng 100 hạt thóc: 3,70 g

II- KHẢ NĂNG THÍCH ỨNG

Thích hợp với chân đất giàu dinh dưỡng



- *Được ít hộ trồng với diện tích nhỏ.*
- *Được sử dụng làm các loại bánh, làm xính lễ trong các tập tục của người Tày*

Tên giống: Kháu mặc buộp (Nếp mướp)

Tên khoa học: *Oryza sativa* L.

SĐK: DB 007

Địa điểm : Đà Bắc, Hòa Bình

I ĐẶC ĐIỂM HÌNH THÁI, NÔNG HỌC

1- Các đặc điểm về thân, lá:

Chiều cao cây: 141,1 cm

Chiều dài lá: 72,2 cm, chiều rộng lá: 1,68 cm,

Góc lá: Ngang, góc lá đồng: Ngang

Phiến lá màu xanh, lá nhẵn, bẹ lá màu xanh,

Cổ lá màu xanh nhạt, tai lá màu xanh nhạt,

Khả năng đẻ nhánh mạnh, cây cứng trung bình.

2- Các đặc điểm về bông và hạt

Chiều dài bông: 27,5 cm

Số hạt/bông: 154,6 hạt

Dạng bông: Trung bình,

Phân gié cấp hai nhiều, trổ thoát rất tốt

Độ rụng hạt: Thấp, Độ dai hạt: Khó

Hạt lúa không có râu, vỏ trấu màu khứa vàng, vỏ nhẵn

Mỏ hạt màu vàng, mảy vàng, vỏ lụa màu trắng

Chiều dài hạt thóc: 10,7 mm

Tỷ lệ D/R hạt thóc: 3,1

Khối lượng 100 hạt thóc: 4,05 g

II- KHẢ NĂNG THÍCH ỨNG

Thích hợp với chân đất giàu dinh dưỡng, nhiều mùn

- Lúa nương

- Giống địa phương

- TGST: 156 ngày

- Thời vụ: Gieo tháng 5, sau mưa đầu Hạ

- Tiềm năng năng suất: Cao

- Chất lượng: Thơm, dẻo, ngon

- Ít sâu bệnh



- Được nhiều hộ trồng với diện tích nhỏ.
- Được sử dụng làm các loại bánh, làm xính lễ trong các tập tục của người Tày
- Được trồng hỗn với các giống khác

Tên giống: Kháu hạng mụ (Nếp đuôi lợn)
Tên khoa học: *Oryza sativa* L.
SĐK: DB 008
Địa điểm : Đà Bắc, Hòa Bình

- Lúa nương
- Giống địa phương
- TGST: 154 ngày
- Thời vụ: Gieo tháng 5, thu tháng 11
- Tiềm năng năng suất: Trung bình
- Chất lượng: Dẻo, ngon
- Chịu hạn tốt, ít sâu bệnh

I ĐẶC ĐIỂM HÌNH THÁI, NÔNG HỌC

1- Các đặc điểm về thân, lá:

Chiều cao cây: 137,3 cm

Chiều dài lá: 51,6 cm, chiều rộng lá: 1,64 cm,

Góc lá: Đứng, góc lá đòng: Trung bình

Phiến lá màu xanh, lá nhẵn, bẹ lá có sọc tím,

Cổ lá màu xanh nhạt, tai lá màu xanh nhạt,

Khả năng đẻ nhánh mạnh, cây cứng trung bình.

2- Các đặc điểm về bông và hạt

Chiều dài bông: 28,5 cm,

Số hạt/bông: 169,7 hạt

Dạng bông: Trung bình,

Phân gié cấp hai ít, trở thoát rất tốt

Độ rụng hạt: Thấp, Độ dai hạt: Khó

Hạt lúa có râu dài toàn phần, râu màu đen,

Vỏ trấu có khía tím, vỏ nhẵn, đỉnh hạt màu tím,

Mày tím, vỏ lụa màu trắng

Chiều dài hạt thóc: 9,48 mm

Tỷ lệ D/R hạt thóc: 2,67

Khối lượng 100 hạt thóc: 3,30 g

II- KHẢ NĂNG THÍCH ỨNG

Thích hợp với chân đất giàu dinh dưỡng,
nhiều mùn

- Được nhiều hộ trồng với diện tích nhỏ.
- Được sử dụng làm các loại bánh, làm xính lễ trong các tập tục của người Tày
- Được trồng hỗn với các giống khác



Tên giống: Kháu ca lan khảo (Lúa ca lan trắng)

Tên khoa học: *Oryza sativa* L.

SĐK: DB 009

Địa điểm : Đà Bắc, Hòa Bình

- Lúa nương

- Giống địa phương

- TGST: 148 ngày

- Thời vụ: Gieo tháng 5, thu tháng 11

- Tiềm năng năng suất: Trung bình

- Chất lượng: Ngon

- Chịu hạn tốt, ít sâu bệnh

I ĐẶC ĐIỂM HÌNH THÁI, NÔNG HỌC

1- Các đặc điểm về thân, lá:

Chiều cao cây: 109,2 cm

Chiều dài lá: 45,4 cm, chiều rộng lá: 1,12 cm,

Góc lá: Đứng, góc lá đồng: Ngang

Phiến lá màu xanh, lông trên phiến lá rậm, bẹ lá màu xanh,

Cổ lá màu xanh nhạt, tai lá màu xanh nhạt,

Khả năng đẻ nhánh mạnh, cây cứng trung bình.

2- Các đặc điểm về bông và hạt

Chiều dài bông: 24,0 cm,

Số hạt/bông: 148,6 hạt

Dạng bông: chụm,

Phân gié cấp hai ít, trổ thoát rất tốt

Độ rụng hạt: Thấp, Độ dai hạt: Khó

Hạt lúa không có râu, vỏ trấu màu vàng, mủ hạt màu vàng,

Mày vàng, vỏ lụa màu trắng

Chiều dài hạt thóc: 8,7 mm

Tỷ lệ D/R hạt thóc: 2,95

Khối lượng 100 hạt thóc: 2,85 g

II- KHẢ NĂNG THÍCH ỨNG

Thích hợp với chân đất trung bình



- Được ít hộ trồng với diện tích nhỏ

- Được sử dụng làm lương thực hàng ngày

Tên giống: Kháu ca lan dạng (Lúa ca lan đỏ)
Tên khoa học: *Oryza sativa* L.
SĐK: DB 010
Địa điểm : Đà Bắc, Hòa Bình

I ĐẶC ĐIỂM HÌNH THÁI, NÔNG HỌC

1- Các đặc điểm về thân, lá:

Chiều cao cây: 115,2 cm

Chiều dài lá: 48,6 cm, chiều rộng lá: 1,13 cm,

Góc lá: Đứng, góc lá đồng: Ngang

Phiến lá màu xanh, lá nhẵn, bẹ lá màu xanh,

Cổ lá màu xanh nhạt, tai lá màu xanh nhạt,

Khả năng đẻ nhánh trung bình, cây cứng trung bình.

2- Các đặc điểm về bông và hạt

Chiều dài bông: 24,8 cm,

Số hạt/bông: 146,8 hạt

Dạng bông: Trung bình,

Phân gié cấp hai ít, trổ thoát tốt

Độ rụng hạt: Thấp, Độ dai hạt: Khó

Hạt lúa không có râu, vỏ hạt màu vàng, vỏ nhẵn,

Mỏ hạt màu tím, mảy vàng, vỏ lụa màu đỏ

Chiều dài hạt thóc: 8,82 mm

Tỷ lệ D/R hạt thóc: 2,80

Khối lượng 100 hạt thóc: 2,83 g

II- KHẢ NĂNG THÍCH ỨNG

Thích hợp với chân đất giàu dinh dưỡng,
nhiều mùn

- Được ít hộ trồng với diện tích nhỏ.
- Được sử dụng làm lương thực hàng ngày

- Lúa nương
- Giống địa phương
- TGST: 148 ngày
- Thời vụ: Gieo tháng 5, thu tháng 11
- Tiềm năng năng suất: Trung bình
- Chất lượng: Trung bình
- Chịu hạn tốt,



Tên giống: Khấu tăng sản niệu (Lúa tăng sản nếp)

Tên khoa học: *Oryza sativa* L.

SĐK: DB 011

Địa điểm : Đà Bắc, Hòa Bình

- Lúa nương
- Giống địa phương
- TGST: 132 ngày
- Thời vụ: Gieo tháng 5, thu tháng 10
- Tiềm năng năng suất: Cao
- Chất lượng: Dẻo, ngon
- Chịu hạn tốt, ít sâu bệnh

I ĐẶC ĐIỂM HÌNH THÁI, NÔNG HỌC

1- Các đặc điểm về thân, lá:

Chiều cao cây: 133,1 cm

Chiều dài lá: 55,6 cm, chiều rộng lá: 1,28 cm,

Góc lá: Đứng, góc lá đòng: Trung bình

Phiến lá màu xanh, lá nhẵn, bẹ lá màu xanh,

Cổ lá màu xanh nhạt, tai lá màu xanh nhạt,

Khả năng đẻ nhánh mạnh, cây cứng trung bình.

2- Các đặc điểm về bông và hạt

Chiều dài bông: 28,5 cm,

Số hạt/bông: 164,6 hạt

Dạng bông: chụm,

Phân gié cấp hai ít, trở thoát rất tốt

Độ rụng hạt: Trung bình, Độ dai hạt: Dễ

Hạt lúa không có râu, vỏ trấu khía nâu, vỏ trấu có lông ngắn

Mỏ hạt màu nâu, mảy vàng, vỏ lụa màu trắng

Chiều dài hạt thóc: 9,83 mm

Tỷ lệ D/R hạt thóc: 3,44

Khối lượng 100 hạt thóc: 2,66 g

II- KHẢ NĂNG THÍCH ỨNG

Thích hợp với chân đất trung bình, trên sườn đồi dốc



- Được nhiều hộ trồng với diện tích lớn
- Chất lượng ngon, được sử dụng làm lương thực hàng ngày, rất tốt để gói mang đi làm nương xa nhà

Tên giống: Kháu trặm nành (Lúa tẻ đỏ)
Tên khoa học: *Oryza sativa* L.
SĐK: DB 0012
Địa điểm : Đà Bắc, Hòa Bình

I ĐẶC ĐIỂM HÌNH THÁI, NÔNG HỌC

1- Các đặc điểm về thân, lá:

Chiều cao cây: 146 cm

Chiều dài lá: 55,8 cm, chiều rộng lá: 1,63 cm,

Góc lá: Đứng, góc lá đồng: Ngang

Phiến lá màu xanh, lá nhẵn, bẹ lá màu xanh,

Cổ lá màu xanh nhạt, tai lá màu xanh nhạt,

Khả năng đẻ nhánh mạnh, cây cứng trung bình.

2- Các đặc điểm về bông và hạt

Chiều dài bông: 30,5 cm,

Số hạt/bông: 163,5 hạt

Dạng bông: Trung bình,

Phân gié cấp hai ít, trổ thoát rất tốt

Độ rụng hạt: Trung bình, Độ dai hạt: Trung bình

Hạt lúa không có râu, vỏ trấu màu nâu đỏ, vỏ nhẵn

Mỏ hạt màu đỏ, Mày đỏ, vỏ lụa màu trắng

Chiều dài hạt thóc: 8,96 mm

Tỷ lệ D/R hạt thóc: 3,05

Khối lượng 100 hạt thóc: 2,76 g

III- KHẢ NĂNG THÍCH ỨNG

Thích hợp với chân đất giàu dinh dưỡng, nhiều mùn

- Lúa nương
- Giống địa phương
- TGST: 152 ngày
- Thời vụ: Gieo tháng 5, thu tháng 11
- Tiềm năng năng suất: Cao
- Chất lượng: Trung bình
- Chịu hạn tốt, ít sâu bệnh



- Được ít hộ trồng với diện tích nhỏ.
- Được sử dụng làm các loại bánh, làm xính lễ trong các tập tục của người Tày

Tên giống: Kháu trặm lượng (Lúa vỏ vàng)
Tên khoa học: *Oryza sativa* L.
SĐK: DB 013
Địa điểm : Đà Bắc, Hòa Bình

- *Lúa nương*
- *Giống địa phương*
- *TGST: 154 ngày*
- *Thời vụ: Gieo tháng 5, thu tháng 11*
- *Tiềm năng năng suất: Cao*
- *Chất lượng: Ngon*
- *Chịu hạn tốt, ít sâu bệnh*

I ĐẶC ĐIỂM HÌNH THÁI, NÔNG HỌC

1- Các đặc điểm về thân, lá:

Chiều cao cây: 136,4 cm

Chiều dài lá: 52,8 cm, chiều rộng lá: 1,63 cm,

Góc lá: Đứng, góc lá đòng: Trung bình

Phiến lá màu xanh, lá nhẵn, bẹ lá màu xanh,

Cổ lá màu xanh nhạt, tai lá màu xanh nhạt,

Khả năng đẻ nhánh trung bình, cây cứng trung bình.

2- Các đặc điểm về bông và hạt

Chiều dài bông: 26,5 cm,

Số hạt/bông: 151,3 hạt

Dạng bông: Trung bình,

Phân gié cấp hai ít, trở thoát tốt

Độ rụng hạt: Thấp, Độ dai hạt: Trung bình

Hạt lúa không có râu, vỏ trấu màu vàng rơm, vỏ nhẵn

Mỏ hạt màu vàng, mày vàng, vỏ lụa màu trắng

Chiều dài hạt thóc: 9,13 mm

Tỷ lệ D/R hạt: 3,12

Khối lượng 100 hạt thóc: 2,95 g

III- KHẢ NĂNG THÍCH ỨNG

Thích hợp với chân đất giàu dinh dưỡng



- *Được ít hộ trồng với diện tích nhỏ.*
- *Được sử dụng làm lương thực hàng ngày*

Tên giống: Kháu trãm pom
Tên khoa học: *Oryza sativa* L.
SĐK: DB 014
Địa điểm : Đà Bắc, Hòa Bình

I ĐẶC ĐIỂM HÌNH THÁI, NÔNG HỌC

1- Các đặc điểm về thân, lá:

Chiều cao cây: 143,4 cm

Chiều dài lá: 40,8 cm, chiều rộng lá: 1,13 cm,

Góc lá: Đứng, góc lá đòng: Trung bình

Phiến lá màu xanh, lá nhẵn, bẹ lá màu xanh,

Cổ lá màu xanh nhạt, tai lá màu xanh nhạt,

Khả năng đẻ nhánh trung bình, cây cứng trung bình.

2- Các đặc điểm về bông và hạt

Chiều dài bông: 33,6 cm,

Số hạt/bông: 132,6 hạt

Dạng bông: Trung bình,

Phân gié cấp hai ít, trở thoát tốt

Độ rụng hạt: Thấp, Độ dai hạt: Trung bình

Hạt lúa không có râu, vỏ trấu màu vàng rom, vỏ nhẵn

Mỏ hạt màu vàng, mảy vàng, vỏ lụa màu trắng

Chiều dài hạt thóc: 8,32 mm

Tỷ lệ D/R hạt thóc: 2,22

Khối lượng 100 hạt thóc: 3,47 g

II- KHẢ NĂNG THÍCH ỨNG

Thích hợp với chân đất trung bình

- Lúa nương
- Giống địa phương
- TGST: 140 ngày
- Thời vụ: Gieo tháng 5, thu tháng 10
- Tiềm năng năng suất: Trung bình
- Chất lượng: Ngon
- Chịu hạn tốt, ít sâu bệnh



- Được ít hộ trồng với diện tích nhỏ.
- Được sử dụng làm lương thực hàng ngày

Tên giống: Kháu hạng tròn
Tên khoa học: *Oryza sativa* L.
SĐK: DB 015
Địa điểm : Đà Bắc, Hòa Bình

- Lúa nương
- Giống địa phương
- TGST: 142 ngày
- Thời vụ: Gieo tháng 5, thu tháng 10
- Tiềm năng năng suất: Cao
- Chất lượng: Ngon
- Chịu hạn tốt, ít sâu bệnh

I ĐẶC ĐIỂM HÌNH THÁI, NÔNG HỌC

1- Các đặc điểm về thân, lá:

Chiều cao cây: 155,8 cm

Chiều dài lá: 56,8 cm, chiều rộng lá: 1,48 cm,

Góc lá: Đứng, góc lá đồng: Ngang

Phiến lá màu xanh, lá nhẵn, bẹ lá màu xanh,

Cổ lá màu xanh nhạt, tai lá màu xanh nhạt,

Khả năng đẻ nhánh trung bình, cây cứng trung bình.

2- Các đặc điểm về bông và hạt

Dạng bông: Trung bình,

Phân gié cấp hai ít, trổ thoát tốt

Độ rụng hạt: Thấp, Độ dai hạt: Khó

Hạt lúa có râu dài toàn phần, màu vàng rơm

Vỏ trấu màu vàng rơm, vỏ nhẵn, mỗ hạt màu vàng,

Mày vàng, vỏ lụa màu trắng

Chiều dài bông: 33,8 cm,

Số hạt /bông: 199,2 hạt

Chiều dài hạt thóc: 9,40 mm

Tỷ lệ D/R hạt thóc: 3,06

Khối lượng 100 hạt thóc: 3,19 g

II- KHẢ NĂNG THÍCH ỨNG

Thích hợp với chân đất trung bình



- Được ít hộ trồng với diện tích nhỏ.
- Được sử dụng làm lương thực hàng ngày

Tên giống: Kháu công tuông(Lúa hạt to)
Tên khoa học: *Oryza sativa* L.
SĐK: DB 016
Địa điểm : Đà Bắc, Hòa Bình

I ĐẶC ĐIỂM HÌNH THÁI, NÔNG HỌC

1- Các đặc điểm về thân, lá:

Chiều cao cây: 153,8 cm

Chiều dài lá: 52,5 cm, chiều rộng lá: 1,65 cm,

Góc lá: Đứng, góc lá đòng: Trung bình

Phiến lá màu xanh, lá nhẵn, bẹ lá màu xanh,

Cổ lá màu xanh nhạt, tai lá màu xanh nhạt,

Khả năng đẻ nhánh trung bình, cây cứng trung bình.

2- Các đặc điểm về bông và hạt

Chiều dài bông: 33,8 cm,

Số hạt/bông: 198,2 hạt

Dạng bông: Trung bình,

Phân gié cấp hai nhiều, trổ thoát rất tốt

Độ rụng hạt: Thấp, Độ dai hạt: Khó

Hạt lúa có râu ngắn từng phần, màu đỏ, vỏ trấu có khía đỏ,

Vỏ nhẵn, đỉnh hạt màu đỏ, mày đỏ, vỏ lụa màu trắng

Chiều dài hạt thóc: 8,90 mm

Tỷ lệ D/R hạt thóc: 2,31

Khối lượng 100 hạt thóc: 3,51 g

II- KHẢ NĂNG THÍCH ỨNG

Thích hợp với chân đất giàu dinh dưỡng

- Lúa nương
- Giống địa phương
- TGST: 142 ngày
- Thời vụ: Gieo tháng 5, thu tháng 10
- Tiềm năng năng suất: Cao
- Chất lượng: Ngon
- Chịu hạn tốt, ít sâu bệnh



- Được ít hộ trồng với diện tích nhỏ.
- Được sử dụng làm lương thực, làm các loại bánh trong ngày lễ tết

Tên giống: Kháu trặm khăm (Lúa hạt vàng)
Tên khoa học: *Oryza sativa* L.
SĐK: DB 017
Địa điểm : Đà Bắc, Hòa Bình

I ĐẶC ĐIỂM HÌNH THÁI, NÔNG HỌC

1- Các đặc điểm về thân, lá:

Chiều cao cây: 138,4 cm

Chiều dài lá: 52,8 cm, chiều rộng lá: 1,62 cm,

Góc lá: Đứng, góc lá đòng: Ngang

Phiến lá màu xanh, lá nhẵn, bẹ lá màu xanh,

Cổ lá màu xanh nhạt, tai lá màu xanh nhạt,

Khả năng đẻ nhánh kém, cây cứng trung bình.

2- Các đặc điểm về bông và hạt

Chiều dài bông: 27,6 cm,

Số hạt/bông: 138,6 hạt

Dạng bông: Trung bình,

Phân gié cấp hai ít, trổ thoát tốt

Độ rụng hạt: Thấp, Độ dai hạt: Khó

Hạt lúa không có râu, vỏ trấu khía vàng, vỏ nhẵn

Mỏ hạt màu vàng, mảy vàng, vỏ lụa màu trắng

Chiều dài hạt thóc: 9,35 mm

Tỷ lệ D/R hạt thóc: 2,79

Khối lượng 100 hạt thóc: 3,41 g

II- KHẢ NĂNG THÍCH ỨNG

Thích hợp với chân đất tốt, nhiều dinh dưỡng

- Lúa nương
- Giống địa phương
- TGST: 148 ngày
- Thời vụ: Gieo tháng 5, thu tháng 11
- Tiềm năng năng suất: Trung bình
- Chất lượng: Ngon
- Chịu hạn tốt, ít sâu bệnh



- Được ít hộ trồng với diện tích nhỏ.
- Được sử dụng làm lương thực hàng ngày

Tên giống: Kháu thượng hải
Tên khoa học: *Oryza sativa* L.
SĐK: DB 018
Địa điểm : Đà Bắc, Hòa Bình

- Lúa nương
- Giống địa phương
- TGST: 135 ngày
- Thời vụ: Gieo tháng 5, thu tháng 10
- Tiềm năng năng suất: Khá
- Chất lượng: Không ngon
- Chịu hạn tốt, ít sâu bệnh

I ĐẶC ĐIỂM HÌNH THÁI, NÔNG HỌC

1- Các đặc điểm về thân, lá:

Chiều cao cây: 127,9 cm

Chiều dài lá: 50,8 cm, chiều rộng lá: 1,09 cm,

Góc lá: Đứng, góc lá đồng: Đứng

Phiến lá màu xanh, phiến lá có lông, bẹ lá màu xanh,

Cổ lá màu xanh nhạt, tai lá màu xanh nhạt,

Khả năng đẻ nhánh mạnh, cây cứng.

2- Các đặc điểm về bông và hạt

Chiều dài bông: 22,6 cm,

Số hạt/bông: 102,6 hạt

Dạng bông: Trung bình,

Phân gié cấp hai ít, trổ thoát trung bình

Độ rụng hạt: Trung bình, Độ dai hạt: Trung bình

Hạt lúa không có râu, vỏ trấu màu vàng rơm,

Vỏ trấu có lông ngắn, mủ hạt màu vàng,

Mày vàng, vỏ lụa màu trắng

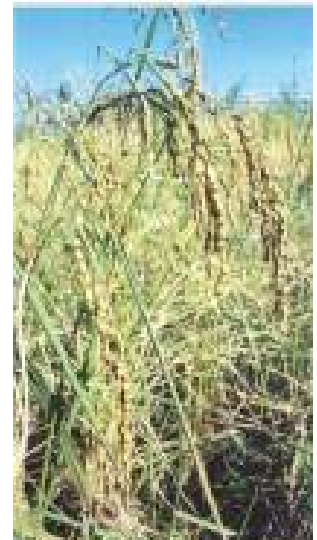
Chiều dài hạt thóc: 7,59 mm

Tỷ lệ D/R hạt thóc: 2,53

Khối lượng 100 hạt thóc: 2,47 g

II- KHẢ NĂNG THÍCH ỨNG

Thích hợp với chân đất xấu, nghèo dinh dưỡng



- Được nhiều hộ trồng với diện tích lớn.
- Được sử dụng làm lương thực hàng ngày

Tên giống: Kháu Mòn trặm (Lúa hạt tròn)
Tên khoa học: *Oryza sativa* L.
SĐK: DB 019
Địa điểm : Đà Bắc, Hòa Bình

- Lúa nương
- Giống địa phương
- TGST: 135 ngày
- Thời vụ: Gieo tháng 5, thu tháng 10
- Tiềm năng năng suất: Trung bình
- Chất lượng: Trung bình
- Chịu hạn tốt, ít sâu bệnh

I ĐẶC ĐIỂM HÌNH THÁI, NÔNG HỌC

1- Các đặc điểm về thân, lá:

Chiều cao cây: 128,4 cm

Chiều dài lá: 49,8 cm, chiều rộng lá: 1,12 cm,

Góc lá: Đứng, góc lá đòng: Đứng

Phiến lá màu xanh, phiến lá có lông, bẹ lá màu xanh,

Cổ lá màu xanh nhạt, tai lá màu xanh nhạt,

Khả năng đẻ nhánh mạnh, cây cứng.

2- Các đặc điểm về bông và hạt

Chiều dài bông: 24,8 cm,

Số hạt/bông: 104,8 hạt

Dạng bông: Trung bình,

Phân gié cấp hai ít, trổ thoát trung bình

Độ rụng hạt: Trung bình, Độ dai hạt: Trung bình

Hạt lúa không có râu, vỏ trấu khía vàng, vỏ trấu có lông ngắn

Mỏ hạt màu vàng, mảy vàng, vỏ lụa màu trắng

Chiều dài hạt thóc: 7,70 mm

Tỷ lệ D/R hạt thóc: 2,39

Khối lượng 100 hạt thóc: 2,66 g

II- KHẢ NĂNG THÍCH ỨNG

Thích hợp với chân đất xấu, ít dinh dưỡng



- Được nhiều hộ trồng với diện tích lớn.
- Được sử dụng làm lương thực hàng ngày

Tên giống: Kháu mòn niệu (Lúa mòn nếp)
Tên khoa học: *Oryza sativa* L.
SĐK: DB 020
Địa điểm : Đà Bắc, Hòa Bình

I ĐẶC ĐIỂM HÌNH THÁI, NÔNG HỌC

1- Các đặc điểm về thân, lá:

Chiều cao cây: 138,2 cm

Chiều dài lá: 45,8 cm, chiều rộng lá: 1,15 cm,

Góc lá: Đứng, góc lá đòng: Trung bình

Phiến lá màu xanh, lá nhẵn, bẹ lá màu xanh,

Cổ lá màu xanh nhạt, tai lá màu xanh nhạt,

Khả năng đẻ nhánh trung bình, cây cứng trung bình.

2- Các đặc điểm về bông và hạt

Chiều dài bông: 26,6 cm,

Số hạt/bông: 142,6 hạt

Dạng bông: Trung bình,

Phân gié cấp hai ít, trở thoát trung bình

Độ rụng hạt: Thấp, Độ dai hạt: Khó

Hạt lúa không có râu, vỏ trấu khía nâu, có lông ngắn trên vỏ

Mỏ hạt màu nâu, mảy vàng, vỏ lụa màu trắng

II- ĐẶC ĐIỂM NÔNG HỌC

Chiều dài hạt thóc: 9,10 mm

Tỷ lệ D/R hạt thóc: 2,92

Khối lượng 100 hạt thóc: 2,77 g

II- KHẢ NĂNG THÍCH ỨNG

Thích hợp với chân đất trung bình

- Lúa nương
- Giống địa phương
- TGST: 142 ngày
- Thời vụ: Gieo tháng 5, thu tháng 10
- Tiềm năng năng suất: Trung bình
- Chất lượng: Trung bình
- Chịu hạn tốt, ít sâu bệnh



- Được ít hộ trồng với diện tích nhỏ.
- Được sử dụng làm lương thực hàng ngày

Tên giống: Kháu tói

Tên khoa học: *Oryza sativa* L.

SĐK: DB 021

Địa điểm : Đà Bắc, Hòa Bình

- Lúa nương

- Giống địa phương

- TGST: 155 ngày

- Thời vụ: Gieo tháng 5, thu tháng 11

- Tiềm năng năng suất: Cao

- Chất lượng: Thơm, dẻo, ngon

- Chịu hạn tốt

I ĐẶC ĐIỂM HÌNH THÁI, NÔNG HỌC

1- Các đặc điểm về thân, lá:

Chiều cao cây: 140,4 cm

Chiều dài lá: 53,8 cm, chiều rộng lá: 1,54 cm,

Góc lá: Đứng, góc lá đồng: Ngang

Phiến lá màu xanh đậm, lá nhẵn, bẹ lá màu xanh,

Cổ lá màu xanh nhạt, tai lá màu xanh nhạt,

Khả năng đẻ nhánh mạnh, cây cứng trung bình.

2- Các đặc điểm về bông và hạt

Chiều dài bông: 27,6 cm,

Số hạt/bông: 135,6 hạt

Dạng bông: Trung bình,

Phân gié cấp hai nhiều, trổ thoát rất tốt

Độ rụng hạt: Thấp, Độ dai hạt: Khó

Hạt lúa có râu ngắn từng phần, màu đỏ,

Vỏ trấu khía đỏ, có lông ngắn trên vỏ trấu,

Mỏ hạt màu đỏ, mảy đỏ, vỏ lụa màu trắng

Chiều dài hạt thóc: 8,28 mm

Tỷ lệ D/R hạt thóc: 2,15

Khối lượng 100 hạt thóc: 3,35 g

II- KHẢ NĂNG THÍCH ỨNG

Thích hợp với chân đất tốt, giàu dinh dưỡng, đất mới khai thác

- Được nhiều hộ trồng với diện tích lớn.

- Được sử dụng làm lương thực đặc biệt cho những ngày lễ, tết, làm các sản phẩm truyền thống có giá trị cao.



Tên giống: Kháu khẻo khoai
Tên khoa học: *Oryza sativa* L.
SĐK: DB 022
Địa điểm : Đà Bắc, Hòa Bình

I ĐẶC ĐIỂM HÌNH THÁI, NÔNG HỌC

1- Các đặc điểm về thân, lá:

Chiều cao cây: 142,3 cm

Chiều dài lá: 49,8 cm, chiều rộng lá: 1,16 cm,

Góc lá: Đứng, góc lá đồng: Ngang

Phiến lá màu xanh, lá nhẵn, bẹ lá màu xanh,

Cổ lá màu xanh nhạt, tai lá màu xanh nhạt,

Khả năng đẻ nhánh trung bình, cây cứng trung bình.

2- Các đặc điểm về bông và hạt

Chiều dài bông: 28,5 cm,

Số hạt/bông: 142,2 hạt

Dạng bông: Trung bình,

Phân gié cấp hai nhiều, trổ thoát rất tốt

Độ rụng hạt: Thấp, Độ dai hạt: Khó

Hạt lúa không có râu, vỏ trấu màu khứa đỏ, vỏ nhẵn

Mỏ hạt màu tím, mày tím, vỏ lụa màu trắng

Chiều dài hạt thóc: 9,57 mm

Tỷ lệ D/R hạt thóc: 3,15

Khối lượng 100 hạt thóc: 3,24 g

II- KHẢ NĂNG THÍCH ỨNG

Thích hợp với chân đất tốt, đất mới khai thác

- Lúa nương
- Giống địa phương
- TGST: 155 ngày
- Thời vụ: Gieo tháng 5, thu tháng 11
- Tiềm năng năng suất: Trung bình
- Chất lượng: Dẻo, ngon
- Chịu hạn tốt, ít sâu bệnh



- Được ít hộ trồng với diện tích nhỏ.
- Được sử dụng làm lương thực hàng ngày, làm bánh, và các sản phẩm đặc biệt trong các ngày lễ hội

Tên giống: Kháu trặm khảo (Lúa vỏ trắng)
Tên khoa học: *Oryza sativa* L.
SĐK: DB 023
Địa điểm : Đà Bắc, Hòa Bình

- Lúa nương
- Giống địa phương
- TGST: 142 ngày
- Thời vụ: Gieo tháng 5, thu tháng 10
- Tiềm năng năng suất: Cao
- Chất lượng: Ngon
- Chịu hạn tốt, ít sâu bệnh

I ĐẶC ĐIỂM HÌNH THÁI, NÔNG HỌC

1- Các đặc điểm về thân, lá:

Chiều cao cây: 147,2 cm

Chiều dài lá: 51,6 cm, chiều rộng lá: 1,32 cm,

Góc lá: Đứng, góc lá đồng: Ngang

Phiến lá màu xanh đậm, lá nhẵn, bẹ lá màu xanh,

Cổ lá màu xanh nhạt, tai lá màu xanh nhạt,

Khả năng đẻ nhánh trung bình, cây cứng trung bình.

2- Các đặc điểm về bông và hạt

Chiều dài bông: 25,8 cm,

Số hạt/bông: 152,6 hạt

Dạng bông: Trung bình,

Phân gié cấp hai ít, trở thoát tốt

Độ rụng hạt: Thấp, Độ dai hạt: Khó

Hạt lúa không có râu, màu vàng,

Vỏ trấu màu vàng rom, vỏ nhẵn, mỗ hạt màu vàng,

Mày vàng rom, vỏ lụa màu trắng

Chiều dài hạt thóc: 9,28 mm

Tỷ lệ D/R hạt thóc: 3,17

Khối lượng 100 hạt thóc: 3,01 g

II- KHẢ NĂNG THÍCH ỨNG

Thích hợp với chân đất trung bình



- Được ít hộ trồng với diện tích nhỏ.
- Được sử dụng làm lương thực hàng ngày

Tên giống: Kháu năm niệu

Tên khoa học: *Oryza sativa* L.

SĐK: DB 024

Địa điểm : Đà Bắc, Hòa Bình

- Lúa nương

- Giống địa phương

- TGST: 145 ngày

- Thời vụ: Gieo tháng 5, thu tháng 11

- Tiềm năng năng suất: Trung bình

- Chất lượng: Ngon

- Chịu hạn tốt, ít sâu bệnh

I ĐẶC ĐIỂM HÌNH THÁI, NÔNG HỌC

1- Các đặc điểm về thân, lá:

Chiều cao cây: 141,6 cm

Chiều dài lá: 62,8 cm, chiều rộng lá: 1,34 cm,

Góc lá: Ngang, góc lá đồng: Ngang

Phiến lá màu xanh, lá nhẵn, bẹ lá màu xanh,

Cổ lá màu xanh nhạt, tai lá màu xanh nhạt,

Khả năng đẻ nhánh trung bình, cây cứng trung bình.

2- Các đặc điểm về bông và hạt

Chiều dài bông: 24,8 cm,

Số hạt/bông: 128,7 hạt

Dạng bông: Trung bình,

Phân gié cấp hai ít, trổ thoát rất tốt

Độ rụng hạt: Thấp, Độ dai hạt: Khó

Hạt lúa không có râu, vỏ trấu màu vàng rơm, vỏ nhẵn

Mỏ hạt màu vàng, mày vàng rơm, vỏ lụa màu trắng

Chiều dài hạt thóc: 8,19 mm

Tỷ lệ D/R hạt thóc: 2,28

Khối lượng 100 hạt thóc: 3,29 g

II- KHẢ NĂNG THÍCH ỨNG

Thích hợp với chân đất trung bình



- Được ít hộ trồng với diện tích nhỏ.

- Được sử dụng làm lương thực hàng ngày

Tên giống: Kháu Noon

Tên khoa học: *Oryza sativa* L.

SĐK: DB 025

Địa điểm : Đà Bắc, Hòa Bình

- Lúa nương

- Giống địa phương

- TGST: 152 ngày

- Thời vụ: Gieo tháng 5, thu tháng 11

- Tiềm năng năng suất: Trung bình

- Chất lượng: Ngon

- Chịu hạn tốt, ít sâu bệnh

I ĐẶC ĐIỂM HÌNH THÁI, NÔNG HỌC

1- Các đặc điểm về thân, lá:

Chiều cao cây: 132 cm

Chiều dài lá: 49,8 cm, chiều rộng lá: 1,21 cm,

Góc lá: Đứng, góc lá đồng: Ngang

Phiến lá màu xanh, lá nhẵn, bẹ lá màu xanh,

Cổ lá màu xanh nhạt, tai lá màu xanh nhạt,

Khả năng đẻ nhánh trung bình, cây cứng trung bình.

2- Các đặc điểm về bông và hạt

Chiều dài bông: 25,6 cm

Số hạt/bông: 131,5 hạt

Dạng bông: Trung bình,

Phân gié cấp hai ít, trổ thoát rất tốt

Độ rụng hạt: Thấp, Độ dai hạt: Khó

Hạt lúa có râu dài toàn phần, màu đỏ

Vỏ trấu khứa đỏ, có lông ngắn trên vỏ trấu,

Mỏ hạt màu đỏ, mày đỏ, vỏ lụa màu trắng

Chiều dài hạt thóc: 8,59 mm

Tỷ lệ D/R hạt thóc: 2,28

Khối lượng 100 hạt thóc: 3,43 g

II- KHẢ NĂNG THÍCH ỨNG

Thích hợp với chân đất tốt



- Được ít hộ trồng với diện tích nhỏ.

- Được sử dụng làm lương thực hàng ngày

Tên giống: Kháu trặm sai (Tẻ cát)
Tên khoa học: *Oryza sativa* L.
SĐK: DB 026
Địa điểm : Đà Bắc, Hòa Bình

I ĐẶC ĐIỂM HÌNH THÁI, NÔNG HỌC

1- Các đặc điểm về thân, lá:

Chiều cao cây: 121,4 cm

Chiều dài lá: 41,2 cm, chiều rộng lá: 1,09 cm,

Góc lá: Đứng, góc lá đòng: Trung bình

Phiến lá màu xanh, lá nhẵn, bẹ lá màu xanh,

Cổ lá màu xanh nhạt, tai lá màu xanh nhạt,

Khả năng đẻ nhánh trung bình, cây cứng trung bình.

2- Các đặc điểm về bông và hạt

Chiều dài bông: 23,6 cm,

Số hạt/bông: 128,6 hạt

Dạng bông: Trung bình,

Phân gié cấp hai ít, trổ thoát tốt

Độ rụng hạt: Thấp, Độ dai hạt: Khó

Hạt lúa không có râu, vỏ trấu màu vàng rơm, vỏ nhẵn

Mỏ hạt màu nâu, mày vàng rơm, vỏ lụa màu trắng

Chiều dài hạt thóc: 9,33 mm

Tỷ lệ D/R hạt thóc: 3,03,

Khối lượng 100 hạt thóc: 2,97 g

II- KHẢ NĂNG THÍCH ỨNG

Thích hợp với chân đất trung bình

- Lúa nương
- Giống địa phương
- TGST: 138 ngày
- Thời vụ: Gieo tháng 5, thu tháng 10
- Tiềm năng năng suất: Trung bình
- Chất lượng: Ngon
- Chịu hạn tốt, ít sâu bệnh



- Được ít hộ trồng với diện tích nhỏ.
- Được sử dụng làm lương thực hàng ngày

Tên giống: Kháu đậm cả (Nếp quạ)

Tên khoa học: *Oryza sativa* L.

SĐK: DB 027

Địa điểm : Đà Bắc, Hòa Bình

- Lúa nương
- Giống địa phương
- TGST: 150 ngày
- Thời vụ: Gieo tháng 5, thu tháng 11
- Tiềm năng năng suất: Trung bình
- Chất lượng: Trung bình
- Chịu hạn tốt, ít sâu bệnh

I ĐẶC ĐIỂM HÌNH THÁI, NÔNG HỌC

1- Các đặc điểm về thân, lá:

Chiều cao cây: 132,2 cm

Chiều dài lá: 46,8 cm, chiều rộng lá: 1,23 cm,

Góc lá: Đứng, góc lá đồng: Ngang

Phiến lá có sọc tím, lá nhẵn, bẹ lá có sọc tím,

Cổ lá màu tím, tai lá màu tím,

Khả năng đẻ nhánh trung bình, cây cứng trung bình.

2- Các đặc điểm về bông và hạt

Chiều dài bông: 25,6 cm,

Số hạt/bông: 138,4 hạt

Dạng bông: Trung bình,

Phân gié cấp hai ít, trổ thoát tốt

Độ rụng hạt: Thấp, Độ dai hạt: Khó

Hạt lúa không có râu, vỏ trấu màu đen, lông trên vỏ trấu rậm

Mỏ hạt màu tím đen, mày tím, vỏ lụa màu trắng

Chiều dài hạt thóc: 8,71 mm

Tỷ lệ D/R hạt thóc: 2,39

Khối lượng 100 hạt thóc: 3,20 g

II- KHẢ NĂNG THÍCH ỨNG

Thích hợp với chân đất tốt



- Được ít hộ trồng với diện tích nhỏ.
- Được sử dụng làm lương thực hàng ngày
- Thường được trồng lẫn với các giống khác

Tên giống: Kháu quầng

Tên khoa học: *Oryza sativa* L.

SĐK: DB 028

Địa điểm : Đà Bắc, Hòa Bình

I ĐẶC ĐIỂM HÌNH THÁI, NÔNG HỌC

1- Các đặc điểm về thân, lá:

Chiều cao cây: 140 cm

Chiều dài lá: 48,1 cm, chiều rộng lá: 1,25 cm,

Góc lá: Đứng, góc lá đòng: Trung bình

Phiến lá màu xanh, lá nhẵn, bẹ lá màu xanh,

Cổ lá màu xanh nhạt, tai lá màu xanh nhạt,

Khả năng đẻ nhánh mạnh, cây cứng trung bình.

2- Các đặc điểm về bông và hạt

Chiều dài bông: 27,6 cm,

Số hạt/bông: 142,6 hạt

Dạng bông: Trung bình,

Phân gié cấp hai ít, trổ thoát rất tốt

Độ rụng hạt: Thấp, Độ dai hạt: Khó

Hạt lúa không có râu, vỏ trấu màu vàng, vỏ nhẵn

Mỏ hạt màu vàng, mảy vàng, vỏ lụa màu trắng

Chiều dài hạt thóc: 9,85 mm

Tỷ lệ D/R hạt thóc: 2,66

Khối lượng 100 hạt thóc: 3,57 g

II- KHẢ NĂNG THÍCH ỨNG

Thích hợp với chân đất tốt, đất trung bình

- Lúa nương

- Giống địa phương

- TGST: 145 ngày

- Thời vụ: Gieo tháng 5, thu tháng 10

- Tiềm năng năng suất: Cao

- Chất lượng: Ngon

- Chịu hạn tốt, ít sâu bệnh



- Được ít hộ trồng với diện tích nhỏ.

- Được sử dụng làm lương thực hàng ngày

Tên giống: Kháu công ton

Tên khoa học: *Oryza sativa* L.

SĐK: DB 029

Địa điểm : Đà Bắc, Hòa Bình

- Lúa nương

- Giống địa phương

- TGST: 140 ngày

- Thời vụ: Gieo tháng 5, thu tháng 10

- Tiềm năng năng suất: Trung bình

- Chất lượng: Ngon

- Chịu hạn tốt, ít sâu bệnh

I ĐẶC ĐIỂM HÌNH THÁI, NÔNG HỌC

1- Các đặc điểm về thân, lá:

Chiều cao cây: 145 cm

Chiều dài lá: 51,1 cm, chiều rộng lá: 1,18 cm,

Góc lá: Đứng, góc lá đồng: Ngang

Phiến lá màu xanh, lá nhẵn, bẹ lá có sọc tím,

Cổ lá màu xanh nhạt, tai lá màu xanh nhạt,

Khả năng đẻ nhánh mạnh, cây cứng trung bình.

2- Các đặc điểm về bông và hạt

Chiều dài bông: 33,0 cm,

Số hạt/bông: 155,5 hạt

Dạng bông: Trung bình,

Phân gié cấp hai ít, trổ thoát rất tốt

Độ rụng hạt: Thấp, Độ dai hạt: Khó

Hạt lúa không có râu, vỏ trấu màu vàng, vỏ nhẵn

Đỉnh hạt màu tím, mảy tím, vỏ lụa màu đỏ

Chiều dài hạt thóc: 8,82 mm

Tỷ lệ D/R hạt thóc: 2,86

Khối lượng 100 hạt thóc: 2,72 g

II- KHẢ NĂNG THÍCH ỨNG

Thích hợp với chân đất tốt, đất trung bình



- Được ít hộ trồng với diện tích nhỏ.

- Được sử dụng làm lương thực hàng ngày

Tên giống: Kháu lượng xá
Tên khoa học: *Oryza sativa* L.
SĐK: DB 030
Địa điểm : Đà Bắc, Hòa Bình

I ĐẶC ĐIỂM HÌNH THÁI, NÔNG HỌC

1- Các đặc điểm về thân, lá:

Chiều cao cây: 138,1 cm

Chiều dài lá: 48,6 cm, chiều rộng lá: 1,28 cm,

Góc lá: Đứng, góc lá đồng: Ngang

Phiến lá màu xanh, lá nhẵn, bẹ lá xanh,

Cổ lá màu xanh nhạt, tai lá màu xanh nhạt,

Khả năng đẻ nhánh trung bình, cây cứng trung bình.

2- Các đặc điểm về bông và hạt

Chiều dài bông: 29,5 cm,

Số hạt/bông: 155,8 hạt

Dạng bông: Trung bình,

Phân gié cấp hai ít, trổ thoát tốt

Độ rụng hạt: Thấp, Độ dai hạt: Khó

Hạt lúa không có râu, vỏ trấu màu khứa vàng, vỏ nhẵn

Mỏ hạt màu nâu, mảy vàng, vỏ lụa màu trắng

Chiều dài hạt thóc: 9,73 mm

Tỷ lệ D/R hạt thóc: 3,38

Khối lượng 100 hạt thóc: 3,28 g

II- KHẢ NĂNG THÍCH ỨNG

Thích hợp với chân đất tốt, đất trung bình

- Lúa nương
- Giống địa phương
- TGST: 145 ngày
- Thời vụ: Gieo tháng 5, thu tháng 10
- Tiềm năng năng suất: Trung bình
- Chất lượng: Ngon
- Chịu hạn tốt, ít sâu bệnh



- Được ít hộ trồng với diện tích nhỏ.
- Được sử dụng làm lương thực hàng ngày

Tên giống: Kháu kè đè trặm
Tên khoa học: *Oryza sativa* L.
SĐK: DB 031
Địa điểm : Đà Bắc, Hòa Bình

- Lúa nương
- Giống địa phương
- TGST: 140 ngày
- Thời vụ: Gieo tháng 5, thu tháng 10
- Tiềm năng năng suất: Trung bình
- Chất lượng: Ngon
- Chịu hạn tốt, ít sâu bệnh

I ĐẶC ĐIỂM HÌNH THÁI, NÔNG HỌC

1- Các đặc điểm về thân, lá:

Chiều cao cây: 136 cm

Chiều dài lá: 48,1 cm, chiều rộng lá: 1,15 cm,

Góc lá: Đứng, góc lá đồng: Ngang

Phiến lá màu xanh, lá nhẵn, bẹ lá có sọc tím,

Cổ lá màu xanh nhạt, tai lá màu xanh nhạt,

Khả năng đẻ nhánh trung bình, cây cứng trung bình.

2- Các đặc điểm về bông và hạt

Chiều dài bông: 27,6 cm,

Số hạt/bông: 145,7 hạt

Dạng bông: Trung bình,

Phân gié cấp hai ít, trở thoát tốt

Độ rụng hạt: Thấp, Độ dai hạt: Trung bình

Hạt lúa có râu ngắn từng phần, màu tím

Vỏ trấu màu vàng rom, vỏ nhẵn

Đỉnh hạt màu tím, mày vàng, vỏ lụa màu trắng

Chiều dài hạt thóc: 8,54 mm

Tỷ lệ D/R hạt thóc: 2,71

Khối lượng 100 hạt thóc: 2,88 g

II- KHẢ NĂNG THÍCH ỨNG

Thích hợp với chân đất tốt, đất trung bình

- Được ít hộ trồng với diện tích nhỏ.
- Được sử dụng làm lương thực hàng ngày



Tên giống: Kháu cai hốc (Kháu đọ)
Tên khoa học: *Oryza sativa* L.
SĐK: DB 032
Địa điểm : Đà Bắc, Hòa Bình

- Lúa ruộng
- Giống địa phương
- TGST: 130 ngày
- Thời vụ: Gieo tháng 5, cấy tháng 6 thu tháng 10
- Tiềm năng năng suất: Trung bình
- Chất lượng: Thơm, dẻo, ngon

I ĐẶC ĐIỂM HÌNH THÁI, NÔNG HỌC

1- Các đặc điểm về thân, lá:

Chiều cao cây: 143,4 cm

Chiều dài lá: 55,7 cm, chiều rộng lá: 1,38 cm,

Góc lá: Đứng, góc lá đòng: Ngang

Phiến lá màu xanh, phiến lá có lông rậm, bẹ lá màu xanh,

Cổ lá màu xanh nhạt, tai lá màu xanh nhạt,

Khả năng đẻ nhánh mạnh, cây cứng trung bình.

2- Các đặc điểm về bông và hạt

Chiều dài bông: 24,6 cm,

Số hạt/bông: 136,6 hạt

Dạng bông: Trung bình,

Phân gié cấp hai nhiều, trổ thoát rất tốt

Độ rụng hạt: Trung bình, Độ dai hạt: Dễ

Hạt lúa có râu ngắn từng phần, màu vàng, vỏ trấu màu vàng, mủ hạt màu vàng,

Có lông rậm trên vỏ trấu, mảy vàng, vỏ lụa màu trắng

Chiều dài hạt thóc: 7,49 mm

Tỷ lệ D/R hạt thóc: 2,12

Khối lượng 100 hạt thóc: 2,99 g

II- KHẢ NĂNG THÍCH ỨNG

Thích hợp với chân đất tốt, đất cấy một vụ



- Được nhiều hộ trồng với diện tích nhỏ.
- Được sử dụng làm các sản phẩm đặc biệt trong các ngày lễ, tết truyền thống

Tên giống: Kháu mạng mau (Lúa đại trà)
Tên khoa học: *Oryza sativa* L.
SĐK: DB 033
Địa điểm : Đà Bắc, Hòa Bình

I ĐẶC ĐIỂM HÌNH THÁI, NÔNG HỌC

1- Các đặc điểm về thân, lá:

Chiều cao cây: 120,4 cm

Chiều dài lá: 42,7 cm, chiều rộng lá: 1,13 cm,

Góc lá: Đứng, góc lá đòng: Trung bình

Phiến lá màu xanh, phiến lá có lông, bẹ lá màu xanh,

Cổ lá màu xanh nhạt, tai lá màu xanh nhạt,

Khả năng đẻ nhánh mạnh, cây cứng trung bình.

2- Các đặc điểm về bông và hạt

Chiều dài bông: 23,6 cm,

Số hạt/bông: 129,6 hạt

Dạng bông: Trung bình,

Phân gié cấp hai ít, trở thoát tốt

Độ rụng hạt: Trung bình, Độ dai hạt: Dễ

Hạt lúa không có râu, vỏ trấu màu vàng, vỏ nhần

Mỏ hạt màu vàng, mảy vàng, vỏ lụa màu trắng

Chiều dài hạt thóc: 7,92 mm

Tỷ lệ D/R hạt thóc: 2,43

Khối lượng 100 hạt thóc: 2,63 g

II- KHẢ NĂNG THÍCH ỨNG

Thích hợp với chân đất lầy thụt, chịu thâm canh

- Lúa ruộng
- Giống địa phương
- TGST: 190 ngày (tuổi mạ 80 ngày)
- Thời vụ: Gieo tháng 10, cấy tháng 1 thu tháng 5
- Tiềm năng năng suất: Trung bình
- Chất lượng: Trung bình
- Chịu rét rất tốt, ít sâu bệnh



- Được nhiều hộ trồng với diện tích nhỏ.
- Được sử dụng làm lương thực hàng ngày

Tên giống: Nếp hạt cau

Tên khoa học: *Oryza sativa* L.

SĐK: DB 034

Địa điểm : Nho Quan, Ninh Bình

I ĐẶC ĐIỂM HÌNH THÁI, NÔNG HỌC

1- Các đặc điểm về thân, lá:

Chiều cao cây: 149,1 cm

Chiều dài lá: 53,4 cm, chiều rộng lá: 1,42 cm,

Góc lá: Đứng, góc lá đồng: Ngang

Phiến lá màu xanh, phiến lá có lông, bẹ lá màu xanh,

Cổ lá màu xanh nhạt, tai lá màu xanh nhạt,

Khả năng đẻ nhánh trung bình, cây yếu.

2- Các đặc điểm về bông và hạt

Chiều dài bông: 27,8 cm,

Số hạt/bông: 153,8 hạt

Dạng bông: Trung bình,

Phân gié cấp hai nhiều, trổ thoát rất tốt

Độ rụng hạt: Trung bình, Độ dai hạt: Dễ

Hạt lúa không có râu, vỏ trấu khía tím, mủ hạt màu tím,

Mày vàng, vỏ lụa màu trắng

Chiều dài hạt thóc: 7,20 mm

Tỷ lệ D/R hạt thóc: 2,22

Khối lượng 100 hạt thóc: 2,92 g

III- KHẢ NĂNG THÍCH ỨNG

Thích hợp với chân đất vằn thấp

- Được ít hộ trồng với diện tích nhỏ.
- Được sử dụng làm các sản phẩm cho ngày lễ, tết

- Lúa ruộng
- Giống địa phương
- TGST: ngày
- Thời vụ: Gieo tháng 6, cấy tháng 7 thu tháng 10
- Tiềm năng năng suất: Trung bình
- Chất lượng: Thơm, dẻo, ngon



Tên giống: Ỉi Hòa thành
Tên khoa học: Oryza sativa L.
SĐK: DB 035
Địa điểm : Nho Quan, Ninh Bình

- Lúa ruộng
- Giống cải tiến
- TGST vụ mùa: 125 ngày
- Thời vụ:
 - + Vụ Xuân: Gieo tháng 12, cấy tháng 1
 - + Vụ Mùa: Gieo tháng 6, cấy tháng 7
- Tiềm năng năng suất: Cao
- Chất lượng: Trung bình

I ĐẶC ĐIỂM HÌNH THÁI, NÔNG HỌC

1- Các đặc điểm về thân, lá:

Chiều cao cây: 118,3 cm

Chiều dài lá: 46,7 cm, chiều rộng lá: 1,13 cm,

Góc lá: Đứng, góc lá đòng: Đứng

Phiến lá màu xanh, phiến lá có lông, bẹ lá màu xanh,

Cổ lá màu xanh nhạt, tai lá màu xanh nhạt,

Khả năng đẻ nhánh mạnh, cây cứng .

2- Các đặc điểm về bông và hạt

Chiều dài bông: 25,7 cm,

Số hạt/bông: 168,9 hạt

Dạng bông: Trung bình,

Phân gié cấp hai ít, trở thoát trung bình

Độ rụng hạt: Trung bình, Độ dai hạt: Dễ

Hạt lúa không có râu, vỏ trấu màu vàng, vỏ trấu

có lông ngắnvỏ

Mỏ hạt màu vàng, mảy vàng, vỏ lụa màu trắng

Chiều dài hạt thóc: 7,94 mm

Tỷ lệ D/R hạt thóc: 2,91

Khối lượng 100 hạt thóc: 2,22 g

II- KHẢ NĂNG THÍCH ỨNG

Thích hợp với chân đất vằn, chịu thâm canh

- Được trồng khoảng 7 năm trở lại đây
- Được nhiều hộ trồng với diện tích lớn.
- Được sử dụng làm lương thực hàng ngày



Tên giống: Nếp Điện Biên
Tên khoa học: *Oryza sativa* L.
SĐK: DB 036

Địa điểm : Nho Quan, Ninh Bình

- *Lúa ruộng*
- *Giống địa phương*
- *TGST vụ mùa: 125 ngày*
- *Thời vụ: Gieo tháng 6, cấy tháng 7*
- *Tiềm năng năng suất: Trung bình*
- *Chất lượng: Dẻo, Ngon*

I ĐẶC ĐIỂM HÌNH THÁI, NÔNG HỌC

1- Các đặc điểm về thân, lá:

Chiều cao cây: 114,3 cm

Chiều dài lá: 42,6 cm, chiều rộng lá: 1,15 cm,

Góc lá: Đứng, góc lá đòng: Đứng

Phiến lá màu xanh, phiến lá có lông, bẹ lá màu xanh,

Cổ lá màu xanh nhạt, tai lá màu xanh nhạt,

Khả năng đẻ nhánh mạnh, cây cứng trung bình.

2- Các đặc điểm về bông và hạt

Chiều dài bông: 25,4 cm,

Số hạt/bông: 148,6 hạt

Dạng bông: Trung bình,

Phân gié cấp hai ít, trổ thoát tốt

Độ rụng hạt: Trung bình, Độ dai hạt: Khó

Hạt lúa có râu dài toàn phần, màu vàng,

Vỏ trấu màu vàng rơm, có lông ngắn trên vỏ trấu,

Mỏ hạt màu vàng, mày vàng rơm, vỏ lụa màu

trắng

Chiều dài hạt thóc: 9,68 mm

Tỷ lệ D/R hạt thóc: 3,41

Khối lượng 100 hạt thóc: 2,95 g

II- KHẢ NĂNG THÍCH ỨNG

Thích hợp với chân đất vằn



- *Được trồng từ lâu*
- *Được nhiều hộ trồng với diện tích nhỏ.*
- *Được sử dụng làm các sản phẩm trong các ngày lễ, tết*

Tên giống: Nếp gà gáy
Tên khoa học: Oryza sativa L.
SĐK: DB 037
Địa điểm : Nho Quan, Ninh Bình

- Lúa ruộng
- Giống địa phương
- TGST vụ mùa: 135 ngày
- Thời vụ: Gieo tháng 6, cấy tháng 7
- Tiềm năng năng suất: Trung bình
- Chất lượng: Đẻo, ngon

I ĐẶC ĐIỂM HÌNH THÁI, NÔNG HỌC

1- Các đặc điểm về thân, lá:

Chiều cao cây: 147 cm

Chiều dài lá: 48,6 cm, chiều rộng lá: 1,32 cm,

Góc lá: Đứng, góc lá đồng: Ngang

Phiến lá màu xanh, phiến lá có lông rậm, bẹ lá màu xanh,

Cổ lá màu xanh nhạt, tai lá màu xanh nhạt,

Khả năng đẻ nhánh trung bình, cây yếu

2- Các đặc điểm về bông và hạt

Chiều dài bông: 25,6 cm,

Số hạt/bông: 142,5 hạt

Dạng bông: Trung bình,

Phân gié cấp hai nhiều, trổ thoát rất tốt

Độ rụng hạt: Trung bình, Độ dai hạt: Dễ

Hạt lúa không có râu, vỏ trấu màu khứa vàng, có lông ngắn

Mỏ hạt màu vàng, mảy vàng, vỏ lụa màu trắng

Chiều dài hạt thóc: 7,48 mm

Tỷ lệ D/R hạt thóc: 2,13

Khối lượng 100 hạt thóc: 2,87 g

II- KHẢ NĂNG THÍCH ỨNG

Thích hợp với chân đất vằn thấp



- Được trồng từ lâu
- Được ít hộ trồng với diện tích nhỏ.
- Được sử dụng làm các sản phẩm trong các ngày lễ, tết truyền thống

Tên giống: Nếp Hà Nội
Tên khoa học: *Oryza sativa* L.
SĐK: DB 038
Địa điểm : Nho Quan, Ninh Bình

- Lúa ruộng
- Giống cải tiến
- TGST vụ mùa: 135 ngày
- Thời vụ: Gieo tháng 6, cấy tháng 7
- Tiềm năng năng suất: Trung bình
- Chất lượng: Thơm, dẻo, ngon

I ĐẶC ĐIỂM HÌNH THÁI, NÔNG HỌC

1- Các đặc điểm về thân, lá:

Chiều cao cây: 156,2 cm

Chiều dài lá: 51,3 cm, chiều rộng lá: 1,32 cm,

Góc lá: Đứng, góc lá đồng: Ngang

Phiến lá màu xanh, phiến lá có lông rậm, bẹ lá màu xanh,

Cổ lá màu xanh nhạt, tai lá màu xanh nhạt,

Khả năng đẻ nhánh trung bình, cây cứng trung bình.

2- Các đặc điểm về bông và hạt

Chiều dài bông: 27,6 cm,

Số hạt/bông: 152,1 hạt

Dạng bông: Trung bình,

Phân gié cấp hai nhiều, trổ thoát rất tốt

Độ rụng hạt: Trung bình, Độ dai hạt: Dẽ

Hạt lúa không có râu, vỏ trấu màu khứa vàng,

Lông trên vỏ trấu rậm, mỏ hạt màu nâu,

Mây vàng, vỏ lụa màu trắng

Chiều dài hạt thóc: 7,39 mm

Tỷ lệ D/R hạt thóc: 2,13

Khối lượng 100 hạt thóc: 2,75 g

II- KHẢ NĂNG THÍCH ỨNG

Thích hợp với chân đất vàn

- Được trồng khoảng 10 năm trở lại đây
- Được nhiều hộ trồng với diện tích lớn.
- Được sử dụng trong các ngày lễ, tết truyền thống



Tên giống: Bao thai
Tên khoa học: *Oryza sativa* L.
SĐK: DB 039
Địa điểm : Nho Quan, Ninh Bình

- Lúa ruộng
- Giống địa phương
- TGST vụ mùa: ngày
- Thời vụ: Gieo tháng 6, cấy tháng 7
- Tiềm năng năng suất: Trung bình
- Chất lượng: Ngon

I ĐẶC ĐIỂM HÌNH THÁI, NÔNG HỌC

1- Các đặc điểm về thân, lá:

Chiều cao cây: cm

Chiều dài lá: cm, chiều rộng lá: cm,

Góc lá: Đứng, góc lá đồng: Đứng

Phiến lá màu xanh, phiến lá có lông, bẹ lá màu xanh,

Cổ lá màu xanh nhạt, tai lá màu xanh nhạt,

Khả năng đẻ nhánh mạnh, cây cứng trung bình.

2- Các đặc điểm về bông và hạt

Dạng bông: Trung bình,

Phân gié cấp hai ít, trở thoát tốt

Độ rụng hạt: Trung bình, Độ dai hạt: Dễ

Hạt lúa không có râu, vỏ trấu khía nâu, mủ hạt màu vàng,

Màu vàng, vỏ lụa màu trắng

Chiều dài hạt thóc: mm

Tỷ lệ D/R hạt thóc: ,

Khối lượng 100 hạt thóc: g

II- KHẢ NĂNG THÍCH ỨNG

Thích hợp với chân đất vằn và đất nghèo dinh dưỡng



- Được trồng khoảng 10 năm trở lại đây
- Được ít hộ trồng với diện tích nhỏ.
- Được sử dụng làm lương thực hàng ngày

Tên giống: Nếp thầu dầu

Tên khoa học: *Oryza sativa* L.

SĐK: DB 038

Địa điểm : Nghĩa Hưng, Nam Định

- TGST: 149 ngày

- Thời vụ: Gieo tháng 6, cấy tháng 7
thu tháng 11

- Tiềm năng năng suất: Thấp

- Chất lượng: Dẻo, thơm, tgon

I ĐẶC ĐIỂM HÌNH THÁI, NÔNG HỌC

1- Các đặc điểm về thân, lá:

Chiều cao cây: 136,5 cm

Chiều dài lá: 40,6cm, chiều rộng lá: 1,1cm,

Góc lá: Đứng, góc lá đồng: Ngang

Phiến lá màu xanh, phiến lá có lông, bẹ lá màu xanh,

Cổ lá màu xanh nhạt, tai lá màu xanh nhạt,

Khả năng đẻ nhánh mạnh, cây cứng trung bình.

2- Các đặc điểm về bông và hạt

Chiều dài bông: 26,5 cm,

Số hạt/bông: 195 hạt

Dạng bông: Trung bình,

Phân gié cấp hai trung bình, trổ thoát tốt

Độ rụng hạt: Trung bình, Độ dai hạt: Trung bình

Hạt lúa không có râu, vỏ trấu màu nâu, mỗ hạt
màu nâu,

Mày vàng, vỏ lụa màu trắng

Chiều dài hạt thóc: 7,7 mm

Tỷ lệ D/R hạt thóc: 2,1

Khối lượng 100 hạt thóc: 3,37 g

II- KHẢ NĂNG THÍCH ỨNG

Thích hợp rộng, vụ mùa, chân đất vằn thấp

- Được ít hộ trồng với diện tích nhỏ.

- Được sử dụng làm lương thực hàng ngày



Tên giống: Tám xoan

Tên khoa học: *Oryza sativa* L.

SĐK: DB 039

Địa điểm : Nghĩa Hưng, Nam Định

- TGST: 155 ngày

- Thời vụ: Gieo tháng 6, cấy tháng 7
thu tháng 11

- Tiềm năng năng suất: Trung bình

- Chất lượng hạt thơm, Ngon

I ĐẶC ĐIỂM HÌNH THÁI, NÔNG HỌC

1- Các đặc điểm về thân, lá:

Chiều cao cây: 141,3 cm

Chiều dài lá: 64 cm, chiều rộng lá: 0,9 cm,

Góc lá: Đứng, góc lá đồng: Trung bình

Phiến lá màu xanh, phiến lá có lông, bẹ lá màu xanh,

Cổ lá màu xanh nhạt, tai lá màu xanh nhạt,

Khả năng đẻ nhánh mạnh, cây yếu.

2- Các đặc điểm về bông và hạt

Chiều dài bông: 28,3 cm,

Số hạt/bông: 210 hạt

Dạng bông: Trung bình,

Phân gié cấp hai ít, trở thoát tốt

Độ rụng hạt: Trung bình, Độ dai hạt: Dễ

Hạt lúa không có râu, vỏ trấu màu nâu, mủ hạt
màu vàng,

Mày vàng, vỏ lụa màu trắng

Chiều dài hạt thóc: 8,2 mm

Tỷ lệ D/R hạt thóc: 3,0

Khối lượng 100 hạt thóc: 2,03 g

II- KHẢ NĂNG THÍCH ỨNG

Thích hợp với chân ruộng vàn thấp, đất nhiều mùn, tại một số vùng như Nam Định, Ninh Bình, Thái Bình.

- Được nhiều hộ trồng với diện tích lớn.

- Được sử dụng làm lương thực hàng ngày, là sản phẩm có tính hàng hóa cao



Tên giống: Tám tiêu

Tên khoa học: *Oryza sativa* L.

SĐK: DB 040

Địa điểm : Nghĩa Hưng, Nam Định

- TGST: 153 ngày

- Thời vụ: Gieo tháng 6, cấy tháng 7
thu tháng 11

- Tiềm năng năng suất: Trung bình

- Chất lượng: Rất thơm, Ngon

I ĐẶC ĐIỂM HÌNH THÁI, NÔNG HỌC

1- Các đặc điểm về thân, lá:

Chiều cao cây: 137,9 cm

Chiều dài lá: 61 cm, chiều rộng lá: 0,9 cm,

Góc lá: Đứng, góc lá đòng: Trung bình

Phiến lá màu xanh, phiến lá có lông, bẹ lá màu xanh,

Cổ lá màu xanh nhạt, tai lá màu xanh nhạt,

Khả năng đẻ nhánh mạnh, cây yếu.

2- Các đặc điểm về bông và hạt

Chiều dài bông: 27,9 cm,

Số hạt/bông: 215 hạt

Dạng bông: Trung bình,

Phân gié cấp hai ít, trổ thoát tốt

Độ rụng hạt: Trung bình, Độ dai hạt: Dễ

Hạt lúa không có râu, vỏ trấu màu nâu, mủ hạt
màu vàng,

Mày vàng, vỏ lụa màu trắng

Chiều dài hạt thóc: 8,4 mm

Tỷ lệ D/R hạt thóc: 2,9

Khối lượng 100 hạt thóc: 2,02 g

II- KHẢ NĂNG THÍCH ỨNG

Thích hợp với chân đất vằn thấp, nhiều mùn. ở một số vùng đồng bằng Sông Hồng như: Nam Định, Ninh Bình, Thái Bình.

- Được nhiều hộ trồng với diện tích lớn.
- Được sử dụng làm lương thực hàng ngày, là sản phẩm có tính hàng hóa cao



Tên giống: Tám xuân dài
Tên khoa học: *Oryza sativa* L.
SĐK: DB 041

Địa điểm : Nghĩa Hưng, Nam Định

- *TGST: 160 ngày*
- *Thời vụ: Gieo tháng 6, cấy tháng 7*
thu tháng 11
- *Tiềm năng năng suất: Trung bình*
- *Chất lượng hạt thơm, Ngon*

I ĐẶC ĐIỂM HÌNH THÁI, NÔNG HỌC

1- Các đặc điểm về thân, lá:

Chiều cao cây: 144 cm

Chiều dài lá: 62 cm, chiều rộng lá: cm,

Góc lá: Đứng, góc lá đòng: Trung bình

Phiến lá màu xanh, phiến lá có lông, bẹ lá màu xanh,

Cổ lá màu xanh nhạt, tai lá màu xanh nhạt,

Khả năng đẻ nhánh mạnh, cây yếu.

2- Các đặc điểm về bông và hạt

Chiều dài bông: 27 cm,

Số hạt/bông: 197 hạt

Dạng bông: Trung bình,

Phân gié cấp hai ít, trở thoát tốt

Độ rụng hạt: Trung bình, Độ dai hạt: Dễ

Hạt lúa không có râu, vỏ trấu màu nâu, mủ hạt
màu vàng,

Mày vàng, vỏ lụa màu trắng

Chiều dài hạt thóc: 8,4 mm

Tỷ lệ D/R hạt thóc: 3,0

Khối lượng 100 hạt thóc: 2,04 g

II- KHẢ NĂNG THÍCH ỨNG

Thích hợp vụ mùa, chân đất vùng thấp, nhiều mùn, chủ động tưới tiêu. ở một số vùng đồng bằng Sông Hồng như: Nam Định, Ninh Bình, Thái Bình.

- *Được nhiều hộ trồng với diện tích lớn.*
- *Được sử dụng làm lương thực hàng ngày, là sản phẩm có tính hàng hóa cao*



Tên giống: Tám nghệ

Tên khoa học: *Oryza sativa* L.

SĐK: DB 042

Địa điểm : Nghĩa Hưng, Nam Định

- TGST: 156 ngày

- Thời vụ: Gieo tháng 6, cấy tháng 7
thu tháng 11

- Tiềm năng năng suất: Trung bình

- Chất lượng hạt thơm, Ngon

I ĐẶC ĐIỂM HÌNH THÁI, NÔNG HỌC

1- Các đặc điểm về thân, lá:

Chiều cao cây: 149 cm

Chiều dài lá: 61 cm, chiều rộng lá: 1 cm,

Góc lá: Đứng, góc lá đòng: Trung bình

Phiến lá màu xanh, phiến lá có lông, bẹ lá màu xanh,

Cổ lá màu xanh nhạt, tai lá màu xanh nhạt,

Khả năng đẻ nhánh mạnh, cây yếu.

2- Các đặc điểm về bông và hạt

Chiều dài bông: 29 cm,

Số hạt/bông: 211 hạt

Dạng bông: Trung bình,

Phân gié cấp hai ít, trở thoát tốt

Độ rụng hạt: Trung bình, Độ dai hạt: Dễ

Hạt lúa không có râu, vỏ trấu màu nâu, mủ hạt
màu vàng,

Mày vàng, vỏ lụa màu trắng

Chiều dài hạt thóc: 8,5 mm

Tỷ lệ D/R hạt thóc: 3,1

Khối lượng 100 hạt thóc: 2,04 g

II- KHẢ NĂNG THÍCH ỨNG

Thích hợp với vụ mùa ở một số vùng đồng bằng Sông Hồng như: Nam Định, Ninh Bình,

Thái Bình. Thích nghi hẹp ưa đất vùng thấp, nhiều mùn sét.

- Được nhiều hộ trồng với diện tích lớn.

- Được sử dụng làm lương thực hàng
ngày, là sản phẩm có tính hàng hóa cao



Tên giống: Nếp cái hoa vàng

Tên khoa học: *Oryza sativa* L.

SĐK: DB 045

Địa điểm : Nghĩa Hưng, Nam Định

- TGST: 147 ngày

- Thời vụ: Gieo tháng 6, cấy tháng 7
thu tháng 11

- Tiềm năng năng suất: Trung bình

- Chất lượng nhất thơm, ngon

I ĐẶC ĐIỂM HÌNH THÁI, NÔNG HỌC

1- Các đặc điểm về thân, lá:

Chiều cao cây: 130,8 cm

Chiều dài lá: 54 cm, chiều rộng lá: 0,9 cm,

Góc lá: Đứng, góc lá đòng: Trung bình

Phiến lá màu xanh, phiến lá có lông rậm, bẹ lá màu xanh,

Cổ lá màu xanh nhạt, tai lá màu xanh nhạt,

Khả năng đẻ nhánh mạnh, cây yếu.

2- Các đặc điểm về bông và hạt

Chiều dài bông: 22,8 cm,

Số hạt/bông: 150 hạt

Dạng bông: Trung bình,

Phân gié cấp hai nhiều, trổ thoát tốt

Độ rụng hạt: Trung bình, Độ dai hạt: Dẽ

Hạt lúa không có râu, vỏ trấu màu nâu, mủ hạt
màu vàng,

Mày vàng, vỏ lụa màu trắng

Chiều dài hạt thóc: 7,5 mm

Tỷ lệ D/R hạt thóc: 2,5

Khối lượng 100 hạt thóc: 2,3 g

II- KHẢ NĂNG THÍCH ỨNG

Thích hợp ở vùng đồng bằng Sông Hồng, chân đất tốt
nhiều mùn vụ mùa.

- Được nhiều hộ trồng với diện tích lớn.

- Được sử dụng làm lương thực hàng
ngày, là sản phẩm có tính hàng hóa cao



Tên giống: Nếp Thái Bình
Tên khoa học: *Oryza sativa* L.
SĐK: DB 044

Địa điểm : Nghĩa Hưng, Nam Định

- TGST: 149 ngày
- Thời vụ: Gieo tháng 6, cấy tháng 7 thu tháng 11
- Tiềm năng năng suất: Trung bình
- Chất lượng: Rất thơm, ngon

I ĐẶC ĐIỂM HÌNH THÁI, NÔNG HỌC

1- Các đặc điểm về thân, lá:

Chiều cao cây: 132 cm

Chiều dài lá: 51cm, chiều rộng lá: cm,

Góc lá: Đứng, góc lá đòng: Trung bình

Phiến lá màu xanh, phiến lá có lông rậm, bẹ lá màu xanh,

Cổ lá màu xanh nhạt, tai lá màu xanh nhạt,

Khả năng đẻ nhánh mạnh, cây yếu.

2- Các đặc điểm về bông và hạt

Chiều dài bông: 25cm,

Số hạt/bông: 195 hạt

Dạng bông: Trung bình,

Phân gié cấp hai nhiều, trổ thoát tốt

Độ rụng hạt: Trung bình, Độ dai hạt: Dễ

Hạt lúa không có râu, vỏ trấu màu nâu, mủ hạt màu vàng,

Mày vàng, vỏ lụa màu trắng

Chiều dài hạt thóc: 7,4mm

Tỷ lệ D/R hạt thóc: 2,7

Khối lượng 100 hạt thóc: 2,2g

II- KHẢ NĂNG THÍCH ỨNG

Thích hợp cho vùng Đồng bằng Sông Hồng, thích ứng rộng vụ mùa.

- Được nhiều hộ trồng với diện tích lớn.
- Được sử dụng làm lương thực hàng ngày, là sản phẩm có tính hàng hóa cao



CHARACTERIZATION AND EVALUATION DATA SHEET FOR RICE
(PHIẾU MÔ TẢ ĐÁNH GIÁ NGUỒN GEN LÚA)

- Plot No (Số ô).....Sowing date (Ngày gieo):.....Harvesting date (Ngày thu hoạch):.....
 Transplanting date (Ngày cấy):..... Location (Nơi nhân):.....
1. Accession No (Số đăng ký):..... 2. Variety name (Tên giống):.....
 3. Seed source (Nguồn giống):..... 4. Country of origin (Nguồn gốc):.....
 5. Variety group (Nhóm giống):
 1. Indica 2 Japonica 3 Javanica 4 Hybrid - intermediate
6. Seedling height (Chiều cao mạ)(cm, n=10):.....
 7. Leaf length (Chiều dài lá)(cm, n=5):

8. Leaf width (Chiều rộng lá)(cm, n=5):
9. Blade pubescence (Độ phủ lông của lá):
 1- Glabrous (Trơn) 2- Intermediate (Trung bình) 3- Pubescent (Phủ lông dày)
10. Blade color (Màu phiến lá):
 1- Pale green (Xanh nhạt) 2- Green (Xanh) 3- Dark green (Xanh đậm)
 4- Purple tips (Tím ở đỉnh lá) 5- Purple margins (Tím ở mép lá)
 6- Purple blotch (Có đốm tím) 7- Purple (Tím)
11. Basal leaf sheath color (Màu gốc bẹ lá):
 1- Green (Xanh) 2- Purple lines (Có xước tím)
 3- Light purple (Tím nhạt) 4- Purple (Tím)
12. Leaf angle (Góc lá):
 1- Erect (Đứng) 5- Horizontal (Ngang) 9- Drooping (Rũ xuống)
13. Flag leaf angle (Góc lá đòng):
 1- Erect (Đứng) 3- Intermediate (Trung bình) 5- Horizontal (Ngang)
 7- Descending (Gập xuống)
14. Ligule length (Dài thìa lia)(mm, n=5):
 15. Ligule color (Màu thìa lia):
 1- White (Trắng) 2- Purple lines (Sọc tím) 3- Purple (Tím)
16. Ligule shape (Dạng thìa lia):
 1- Acute to acuminate (Nhọn đến hơi nhọn) 2- 2-cleft (Hai lưỡi kìm)
 3- Truncate (Chóp cụt)
17. Collar color (Màu cổ lá):
 1- Pale green (Xanh nhạt) 2- Green (Xanh) 3- Purple (Tím)
18. Auricle color (Màu tai lá):
 1- Pale green (Xanh nhạt) 2- Purple (Tím)
19. Days : seeding to heading 50% (days)(Số ngày từ khi gieo đến trổ 50%):.....
 20. Culm length (cm, n=5)(Độ dài thân):
21. Culm number (count, n=5)(Số đánh):
22. Culm angle (Góc thân):
 1- Erect (Đứng, <30⁰) 3- Intermediate (Trung gian, =45⁰) 5- Open (Mở, =60⁰)
 7- Spreading (Toè, >60⁰) 9- Procumbent (Bò lan)

23. Culm diameter (*Đường kính ống rạ*)(mm,n=3):
-
24. Internode color (*Màu sắc ống rạ*):
- 1- Green (*Xanh*) 2- Light gold (*Vàng nhạt*) 3- Purple lines (*Sọc tím*)
- 4- Purple (*Tím*)
25. Culm strength (lodging resist) (*Độ cứng cây*):
- 1- Strong (no lodging) (*Cứng*) 3- Moderately strong (*Cứng trung bình*)
- 5- Intermediate (*Trung bình*) 7- Weak (*Yếu*) 9- Very weak (*Rất yếu*)
26. Panicle length (cm,n=5)(*Dài bông*):
-
27. Panicle type (*Dạng bông*):
- 1- Compact (*Chụm*) 5- Intermediate (*Trung gian*) 9- Open (*Mở*)
28. Panicle secondary branching (*Phân nhánh thứ cấp trên bông*):
- 0- Absent (*Không*) 1- Light (*Nhẹ*) 2- Heavy (*Nặng*)
- 3- Clustering (*Để cụm*)
29. Panicle exertion (*Độ thoát cổ bông*):
- 1- Well exerted (*Thoát tốt*) 3- Moderately well exerted (*Thoát trung bình*)
- 5- Just exerted (*Vừa đúng cổ bông*) 7- Partly exerted (*Thoát một phần*)
- 9- Enclosed (*Không thoát được*)
30. Panicle axis (*Trục bông*):
- 1- Straight (*Thẳng đứng*) 2- Droopy (*Uốn xuống*)
31. Shattering (*Độ rụng hạt*):
- 1- Very low (< *Rất thấp*, <1%) 3- Low (*Thấp*, 1 - 5%)
- 5- Moderately (*Trung bình*, 6 - 25%) 7- Moderately high (*Đễ rụng*, 26 - 50%)
- 9- High (*Rất dễ rụng*, 51-100%)
32. Threshability (*Độ dai của hạt*):
- 1- Difficult (*Khó*) 5- Intermediate (*Trung bình*) 9- Easy (*Dễ*)
33. Awning (*Râu*):
- 0- Absent (*Không râu*) 1- Short and partly awned (*Râu ngắn từng phần*)
- 5- Short and fully awned (*Râu ngắn toàn phần*)
- 7- Long and partly awned (*Râu dài từng phần*) 9- Long and fully awned (*Râu dài toàn phần*)
34. Awn color (*Màu râu*):
- 1- Straw (*Vàng rơm*) 2- Gold (*Vàng*) 3- Brown (*Nâu*)
- 4- Red (*Đỏ*) 5- Purple (*Tím*) 6- Black (*Đen*)
35. Apiculus color (*Màu mỏ hạt*):
- 1- White (*Trắng*) 2- Straw (*Vàng rơm*) 3- Brown (*Nâu*)
- 4- Red (*Đỏ*) 5- Red apex (*Đỉnh đỏ*) 6- Purple (*Tím*)
- 7- Purple apex (*Đỉnh tím*)
36. Stigma color (*Màu nhị cái*):
- 1- White (*Trắng*) 2- Light green (*Xanh nhạt*) 3- Yellow (*Vàng*)
- 4- Light purple (*Tím nhạt*) 5- Purple (*Tím*)
37. Lemma and palea color (*Màu vỏ trấu*):
- 0- Straw (*Vàng rơm*) 1- Gold and / or gold furrows (*Vàng hoặc khía vàng*)
- 2- Brown spots (*Đốm nâu*) 3- Brown furrows (*Khía nâu*)
- 4- Brown (*Nâu*) 5- Reddish to light purple (*Hơi đỏ đến tím nhạt*)
- 6- Purple spots (*Đốm tím*) 7- Purple furrows (*Khía tím*)
- 8- Purple (*Tím*) 9- Black (*Đen*)
- 10- White (*Trắng*)

38. Lemma and palea pubescence (*Độ phủ lông vỏ trấu*):
 1- Glabrous (*Nhẵn*) 2- hair on lemma keel (*Có lông trên sống vỏ trấu*)
 3- Hair on upper portion (*Có lông phần trên*) 4- Short hairs (*Lông ngắn*)
 5- Long hairs (*Lông dài*)
39. Sterile lemma color (*Màu mày hạt*):
 1- Straw (*Vàng rơm*) 2- Gold (*Vàng*) 3- Red (*Đỏ*) 4- Purple (*Tím*)
40. Sterile lemma length (*Chiều dài mày hạt*):
 1- Short (*Ngắn, < 1,5 mm*) 3- Medium (*Trung bình, 1,6 - 2,5 mm*)
 5- Long (*Dài, > 2,5 mm*) 7- Extra long (*Rất dài*) 9- Asymmetrical (*Không đối xứng*)
41. Spikelet sterility (*Độ thụ phấn của bông*):
 1- Highly fertile (*Hữu thụ cao, > 90%*) 3- Fertile (*Hữu thụ, 75 - 90 %*)
 5- Partly sterile (*Hữu thụ bộ phận, 50 - 74 %*) 7- Highly sterile (*Bất thụ cao, < 50%*)
 9- Completely sterile (*Bất thụ hoàn toàn, 0 %*)
42. 100 grain weight (gram) (*Trọng lượng 100 hạt*):.....
43. Grain length (mm, n = 10) (*Chiều dài hạt*):.....
44. Grain width (mm, n = 10) (*Chiều rộng hạt*):.....
45. A ratio R/T (*Tỷ lệ dài/rộng*):.....
46. Seed coat color (*Màu vỏ gạo*)
 1- White (*Trắng*) 2- Light brown (*Nâu nhạt*) 3- Speckled brown (*ánh nâu*)
 4- Brown (*Nâu*) 5- Red (*Đỏ*) 6- Variable purple (*Tím một phần*)
 7- Purple (*Tím*)
47. Endosperm type (*Dạng nội nhũ*):
 1- Nonglutinous (*Không dẻo*) 2- Glutinous (*Dẻo*) 3- Intermediate (*Trung bình*)
48. Scent (*Hương thơm*):
 0- Nonscented (*Không thơm*) 1- Lightly (*Hơi thơm*) 2- Scented (*Thơm*)
49. Leaf senescence (*Độ tàn lá*):
 1- Late and slow (*Muộn và chậm*) 5- Intermediate (*Trung bình*)
 9- Early and past (*Sớm và nhanh*)
50. Days from seeding to maturity (*Thời gian sinh trưởng*):.....
51. Amylose content (*Hàm lượng amylose*):
 0- < 3,0 1- 3,1 - 10 3- 10,1 - 15,0
 5- 15,1 - 20 7- 20,1 - 25 9- 25,1 - 30
52. Alkali digestion value (*Độ phân huỷ kiềm*):
 1- Low (*Thấp*) 2- Low (swollen) (*Trương lên*) 3- Low - intermediate (*Trung bình*)
 4- Intermediate (*Trung bình*) 5- Intermediate-high (*Trung bình*)
 6- High (*Cao, toả lan*) 7- High (*Cao, tiêu tan hoàn toàn*)
53. Leaf blast (*Bệnh đạo ôn hại lá*):
 0- No lesions (*Không có vết bệnh*)
 1- Small brown without center (*Vết bệnh chưa có vùng sinh bảo tử*)
 2- Roundish - oval (*Đk Vết bệnh 1 - 2 mm*)
 3- Lesions are on upper leaf (*Vết bệnh ở mặt trên của lá*)
 4- 3 mm <= diameter lesions 2% leaf area (*Vết bệnh >3mm, <4% diện tích lá*)
 5- 4 - 10% of the leaf area (*Vết bệnh chiếm 4-10% diện tích lá*)
 6- 10 - 25% of the leaf area (*Vết bệnh chiếm 10 - 25% diện tích lá*)
 7- 26 - 50% of the leaf area (*Vết bệnh chiếm 26 - 50% diện tích lá*)

8- 51 -75% leaf area, leaves dead (*Vết bệnh chiếm 51 - 75% diện tích lá*)

9- >75% leaf area affected (*Hơn 75% diện tích lá bị bệnh*)

54. Brown spot (*Bệnh đốm nâu*):

0- No incidence (*Không có bệnh*)

1- < 1%

2- 1 -3%

3- 4 -5%

4- 6 -10%

5- 11 - 15%

6- 16 - 25%

7- 26 -50%

8- 51 -75%

9- 76 - 100%

55. Bacterial blight (*Bạc lá*):

1- 0 -3%

2- 4 -6%

3- 7 -12%

4- 13 - 25%

5- 26 -50%

6- 51 -75%

7- 76 -87%

8- 88 -94%

9- 95 -100%

56. Sheath blight (*Khô vằn*):

0- No infection observed (*Không có triệu chứng*)

1- < 20% of the plant height (*Vết bệnh nằm thấp hơn 20% chiều cao cây*)

3- 20 -30%

5- 31 -45%

7- 46 -65%

9- >65%

57. Brown planthopper (*Rầy nâu*):

0- No damage (*Không bị hại*)

1- Very slight damage (*Bị hại rất nhẹ*)

3- First and 2nd leaves yellowing (*Lá 1 và lá 2 bị vàng*)

5- All leaves yellow (*Tất cả các lá bị vàng*)

7- >50% plant dead (*>50% cây chết*)

9- All plant dead (*Tất cả số cây bị chết*)

58. Green planthopper (*Rầy xanh*):

0- No damage (*Không bị hại*)

1- Very slight damage (*Bị hại rất nhẹ*)

3- First and 2nd leaves yellowing (*Lá 1 và lá 2 bị vàng*)

5- All leaves yellow (*Tất cả các lá bị vàng*)

7- > 50% plant dead (*>50% cây chết*)

9- All plant dead (*Tất cả số cây bị chết*)

59. Whitebacked planthopper (*Rầy lưng trắng*):

0- No damage (*Không bị hại*)

1- Very slight damage (*Bị hại rất nhẹ*)

3- 1,2 if orange tips, stunting (*Đỉnh lá 1 và lá 2 bị vàng cam*)

5- > 50% leaves yellow - orange tip (*Hơn một nửa số lá bị vàng cam*)

7- > 50% plant dead (*>50% cây chết*)

9- All plant dead (*Tất cả số cây bị chết*)

60. Stemborers (*Sâu đục thân*):

0- No damage (*Không bị hại*)

1- 1 -10%

3- 11 -20%

5- 21 -30%

7- 31 -60%

9- > = 61%